



BÁO CÁO

VIỆT NAM NHẬP KHẨU GỖ NGUYÊN LIỆU TỪ CHÂU PHI

GIẢI ĐOẠN 2015 – THÁNG 6 NĂM 2018

Tô Xuân Phúc- Trần Lê Huy – Cao Thị Cẩm – Nguyễn Tôn Quyền – Huỳnh Văn Hạnh



Norad

Tháng 8, 2018

Lời cảm ơn

Báo cáo cập nhật tình hình Việt Nam nhập khẩu gỗ nguyên liệu từ các nước Châu Phi đến hết 6 tháng năm 2018. Các thông tin trong Báo cáo được kế thừa chủ yếu từ báo cáo ***“Việt Nam nhập khẩu gỗ nguyên liệu từ Châu Phi: Thực trạng và rủi ro”*** do nhóm tác giả thực hiện vào Tháng 3 năm 2018 (<http://goviet.org.vn/bai-viet/bao-cao-viet-nam-nhap-khau-go-nguyen-lieu-tu-chau-phi-thuc-trang-va-rui-ro-8780>). Báo cáo là sản phẩm hợp tác của nhóm nghiên cứu do Tổ chức Forest Trends, Hiệp hội Gỗ và Lâm sản Việt Nam (VIFORES), Hiệp hội Gỗ và Lâm sản Bình Định (FPA Bình Định) và Hội Mỹ nghệ và Chế biến Gỗ Thành phố Hồ Chí Minh (HAWA). Báo cáo được hoàn thành với sự hỗ trợ của Tổ chức Hợp tác Phát triển Quốc tế Vương quốc Anh (DFID) và Cơ quan Phát triển của Chính phủ Na Uy (NORAD) thông qua Tổ chức Forest Trends. Các con số thống kê được sử dụng trong Báo cáo được thu thập từ nguồn số liệu thống kê xuất nhập khẩu của Tổng cục Hải quan và được tổng hợp bởi nhóm nghiên cứu. Các nhận định trong Báo cáo là của các tác giả và không nhất thiết phản ánh quan điểm của các tổ chức nơi các tác giả đang làm việc. Thông tin trao đổi về nội dung của Báo cáo này xin gửi về Tô Xuân Phúc, đại diện nhóm tác giả, theo địa chỉ pto@forest-trends.org. Xin trân trọng cảm ơn.

Mục lục

Tóm tắt	1
1. Giới thiệu	2
2. Việt Nam nhập khẩu gỗ từ Châu Phi: Một số nét chính	3
2.1. Lượng gỗ nhập khẩu.....	4
2.2. Giá trị nhập khẩu	4
3. Việt Nam nhập khẩu gỗ tròn từ Châu Phi	6
3.1. Lượng nhập	6
3.2. Giá trị nhập.....	6
3.3. Nguồn cung	7
3.4. Các loài gỗ tròn nhập khẩu.....	8
4. Việt Nam nhập khẩu gỗ xẻ từ Châu Phi	10
4.1. Lượng và giá trị nhập khẩu.....	10
4.2. Nguồn cung chính.....	12
4.3. Các loài nhập khẩu	13
4.4. Cửa khẩu	14
5. Quản trị tài nguyên tại các quốc gia xuất khẩu gỗ cho Việt Nam	16
a. Chỉ số Nhận thức về Tham nhũng	19
b. Chính sách và thực thi chính sách lâm nghiệp tại các quốc gia	20
<i>Angola</i>	20
<i>Cameroon</i>	21
<i>Cộng hòa Congo</i>	22
<i>Cộng hòa Dân chủ Congo</i>	22
<i>Equitorial Guinea</i>	23
<i>Gabon</i>	24
<i>Ghana</i>	25
<i>Kenya</i>	26
<i>Mozambique</i>	26
<i>Nigeria</i>	27
6. Thảo luận và kiến nghị	28
PHỤ LỤC	30
Phụ lục 1. Các quốc gia Châu Phi cung cấp gỗ tròn cho Việt Nam giai đoạn 2016- 6 tháng 2018.....	30
Phụ lục 2. Các quốc gia Châu Phi cung gỗ xẻ cho Việt Nam giai đoạn 2016- 6 tháng 2018.....	31

Tóm tắt

Châu Phi đã trở thành nguồn cung gỗ nguyên liệu lớn nhất của Việt Nam. Năm 2017, lượng cung từ quốc gia này đã lên tới trên 1,3 triệu m³, chiếm 25% trong tổng lượng gỗ nguyên liệu tròn và xẻ nhập khẩu vào Việt Nam trong năm.¹ Trong 6 tháng đầu 2018, lượng cung gỗ từ nguồn này lên tới 666.406 m³ quy tròn, tương đương ¼ trong tổng lượng gỗ nguyên liệu được nhập khẩu vào Việt Nam từ tất cả các nguồn trong 6 tháng đầu 2018. Một số đặc điểm chính của nguồn cung gỗ này như sau:

- Nguồn cung đa dạng. Bình quân mỗi năm có khoảng trên dưới 20 quốc gia từ Châu Phi cung gỗ nguyên liệu cho Việt Nam, trong đó có khoảng 7-8 quốc gia có lượng cung mỗi năm từ 10.000 m³ trở lên. Các quốc gia có lượng cung lớn nhất bao gồm Cameroon, Ghana, Equatorial Guinea, Angola, Congo và một vài quốc gia khác.
- Số lượng các loài gỗ nhập khẩu vào Việt Nam đa dạng. Năm 2017, Việt Nam nhập khẩu khoảng 145 loài gỗ tròn và 110 loài gỗ xẻ từ Châu Phi. Tuy nhiên, số lượng các loài có lượng nhập lớn (trung bình từ 10.000 m³/năm trở lên) khoảng 5-7 loài, điển hình là lim, hương, gỗ, xoan đào.
- Xu hướng nhập khẩu gỗ từ nguồn này vào Việt Nam đang tăng. Tính theo lượng gỗ quy tròn, lượng gỗ nhập khẩu năm 2017 tăng gần 86% lượng nhập năm 2016.
- Gỗ nhập khẩu từ Châu Phi chủ yếu được đưa vào các làng nghề gỗ truyền thống, sử dụng làm đồ nội thất và đồ gỗ xây dựng, chủ yếu phục vụ thị trường nội địa. Lượng xuất khẩu dưới dạng sản phẩm thô và đồ gỗ không đáng kể.
- Tại Việt Nam đang tồn tại sự lộn xộn về tên gọi của các loài gỗ nhập khẩu từ Châu Phi vào Việt Nam. Các nhà nhập khẩu, các cơ sở chế biến tại các làng nghề đang sử dụng tên các loài gỗ của Việt Nam để đặt tên cho một số loài gỗ nhập khẩu từ Châu Phi. Tuy nhiên, các loài gỗ nhập khẩu từ nguồn này thường không giống với các loài gỗ của Việt Nam, hoặc các loài gỗ nhập khẩu từ các nước lân cận. Điều này dẫn một số khó khăn và rủi ro trong sử dụng và kiểm soát nguồn gỗ nhập khẩu từ Châu lục này.
- Lượng gỗ nguyên liệu nhập khẩu từ Châu Phi vào Việt Nam đang tăng nhanh. Xu hướng tăng có nhiều nguyên nhân, trong đó phải kể đến mức giá gỗ, được coi là các loài gỗ quý phù hợp với khả năng mua của nhiều người tiêu thụ (mức giá các loài gỗ nhập khẩu từ nguồn này thấp hơn nhiều so với giá các loài gỗ nhập khẩu từ các nước Tiểu vùng sông Mê Kông, có cùng tên gọi Việt Nam). Quan trọng hơn, nguồn gỗ nhập khẩu từ Châu Phi ngày càng được chấp nhận bởi người sử dụng tại Việt Nam. Nói cách khác, cầu thị trường về các loài gỗ này tại Việt Nam đang tăng.
- Trừ Ghana và Kenya, tất cả các quốc gia Châu Phi cung gỗ cho Việt Nam đều có các chỉ số quản trị quốc gia như sự tham gia của người dân trong ban hành và thực thi chính sách, tính hiệu quả của chính phủ, chất lượng thể chế và tính hiệu quả của kiểm soát tham nhũng ở mức rất thấp (thông thường xếp trong thang 10-20 trong thang điểm 100).
- Các quốc gia Châu Phi cung gỗ cho Việt Nam đều nằm ở phía cuối bảng xếp hạng về Chỉ số nhận thức tham nhũng.
- Nhìn chung, quản trị rừng tại các quốc gia này kém, thông thường liên quan đến việc thực thi chính sách kém hiệu quả, tham nhũng tràn lan và xung đột trong quản lý sử dụng tài nguyên rừng.
- Quản trị quốc gia nói chung và quản trị rừng nói riêng kém dẫn đến những rủi ro về nguồn cung gỗ này.

Việt Nam sẽ thực hiện Hiệp định đối tác tự nguyện FLEGT VPA trong tương lai. Điều này đòi hỏi sự minh bạch về nguồn gỗ nhập khẩu đưa vào chuỗi cung. Nguồn cung gỗ từ Châu Phi hiện đang thiếu thông tin (đây cũng chính là rủi ro, bởi thiếu bằng chứng về tính hợp pháp) và ẩn chứa nhiều rủi ro khác. Với lượng cung gỗ từ nguồn này rất lớn, việc minh bạch thông tin về nguồn gỗ này là điều tối quan trọng.

¹ Năm 2017, Việt Nam nhập khẩu 2.242.356 m³ gỗ tròn và 2.179.732 m³ gỗ xẻ, tương đương với 5.356.321 m³ gỗ quy tròn (Tô Xuân Phúc và cộng sự, 2018).

Báo cáo kiến nghị

- Chính phủ Việt Nam và các Hiệp hội gỗ yêu cầu tất cả các quốc gia cung gỗ cho Việt Nam từ Châu Phi cung cấp các thông tin cơ bản về cơ chế chính sách về khai thác, chế biến, thương mại, đặc điểm các loài gỗ được phép và không được phép khai thác, sử dụng và thương mại hóa tại quốc gia này. Các thông tin này cần được cập nhật phổ biến cho các cơ quan quản lý, kiểm soát nhập khẩu cũng như những công ty nhập khẩu và các hộ tại các làng nghề, nơi nguồn gỗ được sử dụng.
- Các cơ quan nghiên cứu lâm nghiệp của Việt Nam, phối hợp với các cơ quan nghiên cứu lâm nghiệp tại các nước cung gỗ cho Việt Nam tại Châu Phi, đưa ra danh sách các loài gỗ nhập khẩu và đặc điểm nhận dạng của từng loài. Danh sách này cần được phổ cập trong hệ thống các nhà quản lý, làng nghề và những người nhập khẩu.
- Các doanh nghiệp nhập khẩu gỗ từ Châu Phi cần tăng cường trách nhiệm giải trình, nhằm giảm thiểu rủi ro trong gỗ nhập khẩu./.

1. Giới thiệu

Châu Phi là lục địa với 55 quốc gia và khoảng một tỉ người, đang trở thành thị trường quan trọng của Việt Nam. Theo Tổng cục Hải quan, trao đổi thương mại giữa Việt Nam và Châu Phi năm 2015 đạt 5,15 tỉ USD, tăng 15% so với kim ngạch năm 2014.² Các mặt hàng xuất khẩu chủ yếu của Việt Nam vào thị trường này là lúa gạo (chiếm 50-70% tổng giá trị xuất khẩu của Việt Nam vào Châu Phi), sản phẩm dệt may và máy móc thiết bị. Các mặt hàng Việt Nam nhập khẩu từ Châu Phi là hạt điều và bông (chiếm 89% tổng giá trị nhập khẩu), sắt thép phế liệu.³ Theo thông tin từ Bộ Công thương năm 2017 kim ngạch nhập khẩu của Việt Nam từ thị trường này đạt hơn 4 tỉ USD, trong khi kim ngạch xuất khẩu đạt 2,7 tỉ USD.

Gỗ là một trong những mặt hàng quan trọng được Việt Nam nhập khẩu từ Châu Phi. Hiện nay nguồn cung gỗ nguyên liệu, bao gồm (gỗ tròn/đẽo vuông thô (HS 4403) và xẻ (HS 4407) từ Châu Phi đã trở thành nguồn cung gỗ nguyên liệu lớn nhất cho Việt Nam. Báo cáo này phân tích quy mô và những thay đổi trong việc nhập khẩu gỗ tròn/đẽo vuông thô (sau đây được gọi là gỗ tròn) và gỗ xẻ vào Việt Nam. Báo cáo cũng chỉ ra một số rủi ro về mặt pháp lý có liên quan đến nguồn cung này.

Báo cáo sử dụng nguồn thông tin xuất nhập khẩu của Tổng cục Hải Quan. Ngoài ra, Báo cáo sử dụng tư liệu từ một số trao đổi với một số doanh nghiệp nhập khẩu được thực hiện trong tháng 2 và tháng 6 năm 2018. Một số thông tin khác được thu thập từ một số khảo sát tại làng nghề Vạn Điểm và La Xuyên, nơi sử dụng nhiều gỗ nhập khẩu từ Châu Phi.

Phần 2 của Báo cáo sẽ nêu một số nét tổng quan về tình hình nhập khẩu gỗ Châu Phi vào Việt Nam trong những năm gần đây. Phần 3 mô tả chi tiết Việt Nam nhập khẩu gỗ tròn trong khi phần 4 tập trung vào gỗ xẻ từ các quốc gia thuộc châu lục này. Trong phần 5, Báo cáo đưa ra các thông tin về một số chỉ số quản trị cơ bản của các quốc gia và các thông tin nhằm xác định mức độ rủi ro trong nguồn cung gỗ này. Dựa trên kết quả của phần 2-5, Phần 6 của Báo cáo thảo luận về các khía cạnh chính sách và đưa ra một số kiến nghị nhằm phát triển ngành chế biến gỗ Việt Nam bền vững trong tương lai.

² <https://tuoitre.vn/trao-doi-thuong-mai-viet-namchau-phi-tang-truong-15-nam-2015-1077997.htm>

³ <http://www.thesaigontimes.vn/138719/Viet-Nam-nhap-khau-ngay-cang-nhieu-tu-chau-Phi.html>

2. Việt Nam nhập khẩu gỗ từ Châu Phi: Một số nét chính

Châu Phi bao gồm nhiều quốc gia và vùng lãnh thổ khác nhau (Hình 1).

Hình 1. Các quốc gia thuộc khu vực Châu Phi



Nguồn: <https://www.mapsofworld.com/africa/>

Gỗ nguyên liệu từ Châu Phi bắt đầu được nhập vào Việt Nam từ khoảng 2004-2005, chủ yếu được đưa vào các làng nghề gỗ truyền thống sử dụng để làm đồ gỗ nội thất, làm khung ngoại, làm cột đình, chùa (đặc biệt là gỗ Lim), và các công trình xây dựng. Một số ít trong nhập khẩu được sử dụng chế biến sản phẩm xuất khẩu.

Gỗ Châu Phi bắt đầu được nhập về nhiều kể từ những năm 2009-2010. Trong những năm gần đây lượng nhập tăng lên rất nhanh.

Thông tin từ một số doanh nghiệp và các hộ chế biến gỗ tại làng nghề cho thấy khoảng 50% lượng gỗ Châu Phi nhập khẩu vào Việt Nam được sử dụng cho các công trình xây dựng; 50% còn lại được sử dụng làm đồ gỗ.

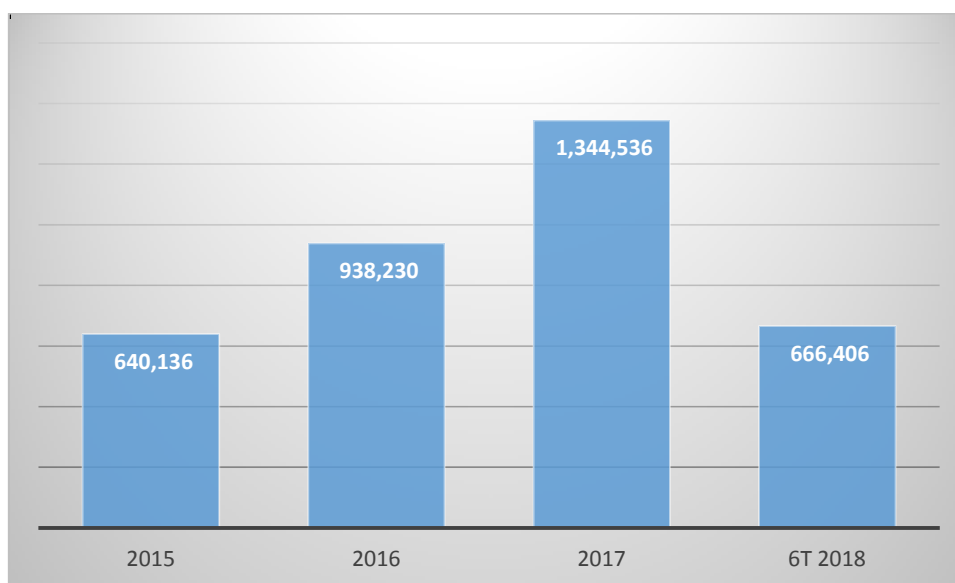
2.1. Lượng gỗ nhập khẩu

Năm 2017 Việt Nam nhập khẩu khoảng 1,3 triệu m³ gỗ quy tròn từ Châu Phi (Hình 2), chiếm 24,5% trong tổng lượng gỗ tròn và gỗ xẻ nhập khẩu vào Việt Nam trong năm này.⁴

Trong 6 tháng đầu 2018, tổng lượng gỗ tròn và gỗ xẻ nhập khẩu vào Châu Phi lên tới 666.406 m³ quy tròn. Lượng nhập trong 6 tháng này chiếm khoảng gần 45% tổng lượng nhập năm 2017.

Lượng nhập năm 2017 tăng hơn 400.000m³ so với lượng nhập từ Châu lục này năm 2016, tương đương với 43,2% về tăng trưởng.

Hình 2. Lượng gỗ nhập khẩu từ Châu Phi vào Việt Nam (m³ quy tròn)



Nguồn: Phân tích của VIFORES, FPA BD, HAWA và FOREST TRENDS từ số liệu Hải quan Việt Nam

Khoảng 70% gỗ nhập khẩu là gỗ tròn, 30% còn lại là gỗ xẻ.

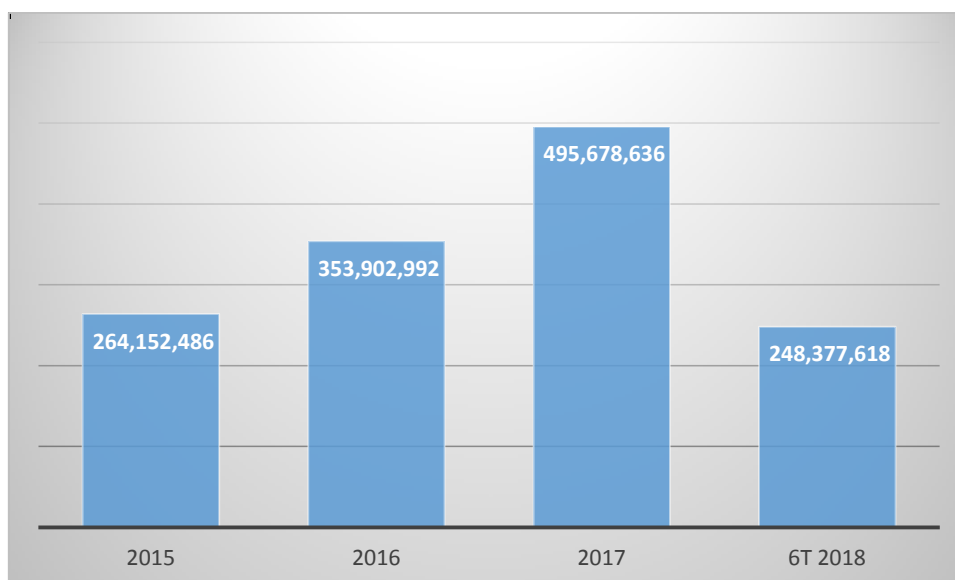
2.2. Giá trị nhập khẩu

Năm 2017 các doanh nghiệp Việt Nam bỏ ra gần nửa tỉ USD để nhập khẩu gỗ nguyên liệu từ Châu Phi (Hình 3). Tốc độ tăng trưởng về kim ngạch nhập khẩu từ nguồn này năm 2017 so với năm 2016 khoảng 40%.

Trong 6 tháng đầu 2018, kim ngạch nhập khẩu gỗ từ Châu Phi khoảng 248,4 triệu USD, chiếm 50% kim ngạch nhập khẩu của năm 2017.

⁴ Tổng lượng gỗ tròn và gỗ xẻ nhập khẩu vào Việt Nam năm 2017 tương đương 5,3 triệu m³ quy tròn (xem chi tiết trong Báo cáo Tổng quan xuất nhập khẩu gỗ và sản phẩm gỗ Việt Nam năm 2017 do Tô Xuân Phúc và cộng sự phát hành)

Hình 3. Thay đổi giá trị kim ngạch nhập khẩu gỗ từ Châu Phi vào Việt Nam (USD)



Nguồn: Phân tích của VIFORES, FPA BD, HAWA và FOREST TRENDS từ số liệu Hải quan Việt Nam

Giá trị nhập khẩu năm 2017 chiếm 32% trong tổng giá trị nhập khẩu gỗ tròn và xẻ của Việt Nam.

Giá trị nhập khẩu 6 tháng đầu 2018 chiếm khoảng 32,4% trong tổng kim ngạch xuất khẩu gỗ nguyên liệu vào Việt Nam trong cùng giai đoạn.

Khoảng 20 quốc gia từ Châu Phi cung gỗ cho Việt Nam, trong đó 5-6 quốc gia có nguồn cung lớn, với lượng cung trên 10.000 m³/ năm.

Số lượng quốc gia cung gỗ cho Việt Nam từ Châu Phi có xu hướng mở rộng.

Giá gỗ từ Châu Phi nhập khẩu về Việt Nam khác nhau, phụ thuộc vào chất lượng của gỗ và quốc gia nơi gỗ được khai thác. Tại Việt Nam, gỗ nhập khẩu từ Châu Phi được coi là có chất lượng thấp hơn nhiều so với gỗ nhập khẩu từ các nước như Lào, Campuchia do vậy giá bán thấp hơn. Thông tin từ một doanh nghiệp lớn chuyên nhập khẩu gỗ Châu Phi cho thấy giá tại Việt Nam của các loài gỗ Châu Phi vào tháng 2 năm 2018 ở các mức sau:

- Hương Nam Phi: khoảng 20 triệu đồng / tấn
- Hương Padouk: 14-15 triệu đồng/m³ đối với gỗ xẻ, 10 triệu đồng/m³ đối với gỗ tròn
- Gỗ đỏ: Khoảng 10 triệu /tấn
- Cẩm (kavazingo) : 35-50 triệu /m³, tùy theo chất lượng
- Gỗ Pachylopa (Cameroon): trên 20 triệu /m³, tròn
- Lim Tali: Đẹp (Ghana): 26-27 triệu m³, xẻ hộp
- Lim Okan: trên 10 triệu /m³
- Gụ: Khoảng 10 triệu đồng /m³.

Lượng gỗ tròn được nhập khẩu vào Việt Nam từ Châu Phi lớn hơn nhiều so với lượng gỗ xẻ nhập từ nguồn này. Thông tin từ một số doanh nghiệp có kinh nghiệm về thị trường Châu Phi cho thấy nguyên nhân là bởi doanh nghiệp Việt Nam thiếu cơ sở vật chất và nguồn lực tài chính để có thể chế biến gỗ tròn thành gỗ xẻ tại các quốc gia cung gỗ. Cũng theo các doanh nghiệp này, để mở một xưởng xẻ tại Châu Phi các doanh nghiệp Việt Nam cần phải có các điều kiện sau:

- Đất (làm kho bãi và xưởng): Cần khoảng 20.000 m², với giá thuê đất tính ra tiền Việt khoảng 1 tỉ đồng cho thời hạn thuê 30 năm.
- 4 máy xẻ CD, mỗi máy khoảng 30 triệu đồng
- Cần có công nhân người Việt Nam để vận hành các xưởng cưa. Công nhân người Việt để đảm bảo sự tương đồng về mặt văn hóa, ngôn ngữ, rõ ràng trong phân công trách nhiệm. Theo các doanh nghiệp, không thể giao xưởng cho các công nhân tại nước sở tại, bởi rào cản về ngôn

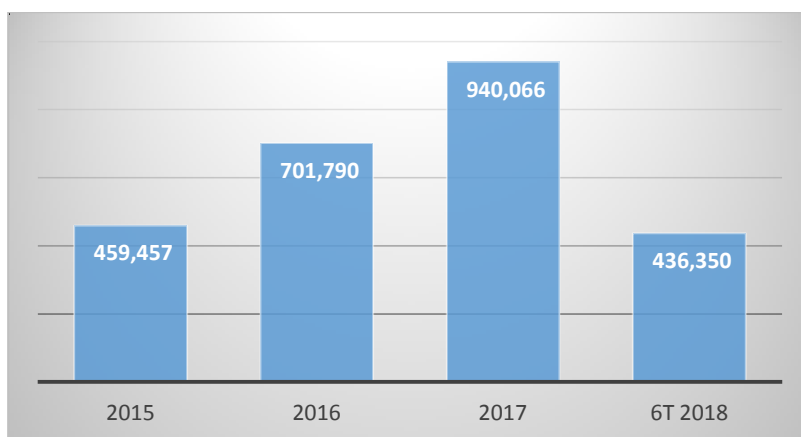
ngữ và văn hóa, tác phong sản xuất công nghiệp. Tuy nhiên, để đưa được các công nhân Việt Nam sang Châu Phi làm việc là không dễ dàng. Hiện mới chỉ có một số doanh nghiệp làm được điều này. Đối với các doanh nghiệp có công nhân Việt Nam làm tại xưởng xẻ, lương trung bình của công nhân khoảng 20 triệu đồng/tháng. Công nhân ăn ở tại xưởng.

3. Việt Nam nhập khẩu gỗ tròn từ Châu Phi

3.1. Lượng nhập

Năm 2017 Việt Nam nhập khẩu trên 940.000 m3 gỗ tròn từ Châu Phi (Hình 4). Trong 6 tháng đầu 2018, lượng gỗ tròn nhập khẩu vào Việt Nam đạt 436.350 m3, tương đương với 46,4% lượng gỗ tròn nhập khẩu năm 2017.

Hình 4. Lượng gỗ tròn nhập khẩu từ Châu Phi vào Việt Nam (m3)



Nguồn: Phân tích của VIFORES, FPA BD, HAWA và FOREST TRENDS từ số liệu Hải quan Việt Nam

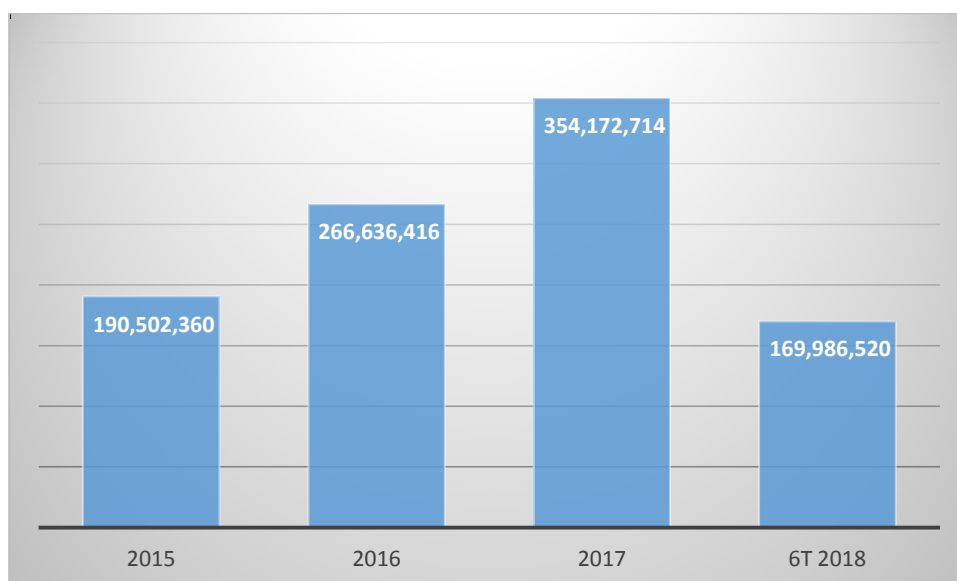
Lượng gỗ tròn nhập khẩu năm 2017 tăng 34% so với lượng nhập khẩu năm 2016.

3.2. Giá trị nhập

Giá trị nhập khẩu gỗ tròn từ Châu Phi năm 2017 khoảng 354 triệu USD (Hình 5), tăng gần 33% so với giá trị nhập khẩu loại gỗ này năm 2016.

Trong 6 tháng đầu 2018, giá trị nhập khẩu gỗ tròn từ Châu Phi vào Việt Nam đạt gần 170 triệu USD, chiếm gần 48% kim ngạch nhập khẩu gỗ tròn từ nguồn này năm 2017.

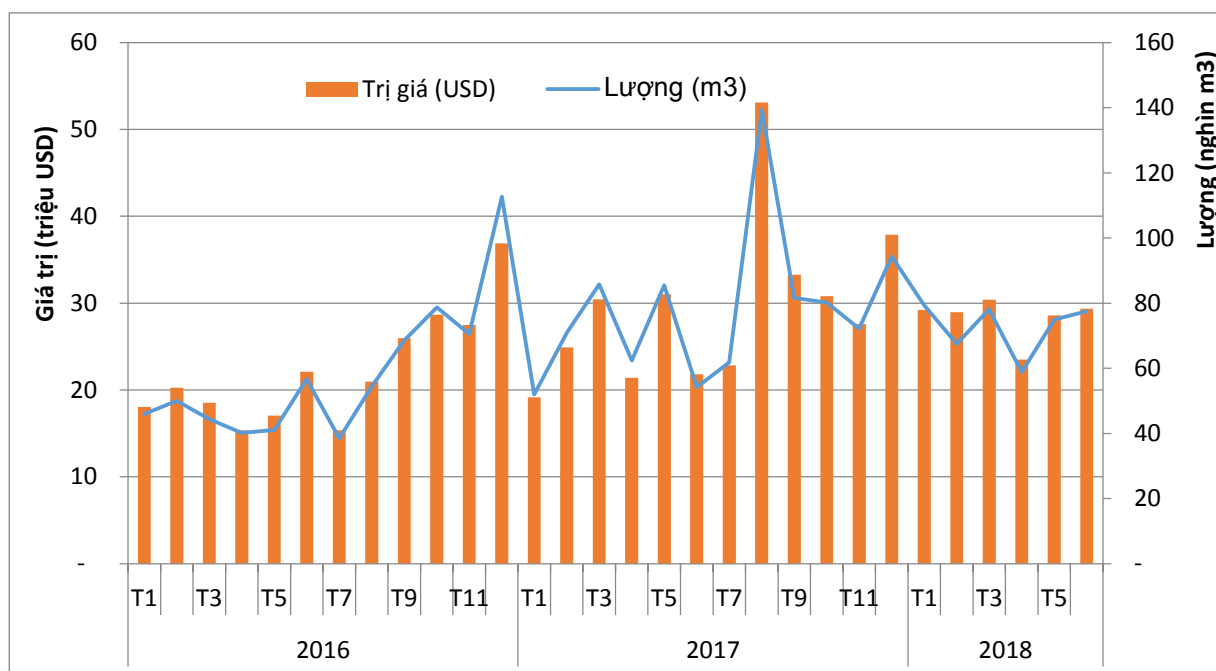
Hình 5. Giá trị gỗ tròn nhập khẩu từ Châu Phi vào Việt Nam (USD)



Nguồn: Phân tích của VIFORES, FPA BD, HAWA và FOREST TRENDS từ số liệu Hải quan Việt Nam

Hình 6 chỉ ra sự thay đổi về giá trị và kim ngạch nhập khẩu gỗ tròn từ Châu Phi vào Việt Nam theo các tháng trong năm. Xu thế nhập khẩu cho thấy cả lượng và giá trị đều tăng, với lượng/giá trị nhập khẩu tăng cao vào các tháng cuối của năm.

Hình 6. Xu thế nhập khẩu gỗ tròn từ Châu Phi vào Việt Nam theo lượng và giá trị



Nguồn: Phân tích của VIFORES, FPA BD, HAWA và FOREST TRENDS từ số liệu Hải quan Việt Nam

3.3. Nguồn cung

Năm 2017 có 19 quốc gia của Châu Phi cung gỗ tròn cho Việt Nam, tương đương với con số năm 2016.

Trong số các quốc gia này, khoảng 7-8 quốc gia có lượng cung mỗi năm trung bình khoảng 10.000 m3/năm trở lên. Bảng 1 và Hình 7 chỉ ra lượng nhập, giá trị kim ngạch và thay đổi trong giai đoạn 2016-hết 6 tháng năm 2018.

Bảng 1. Các quốc gia cung gỗ tròn chính cho Việt Nam

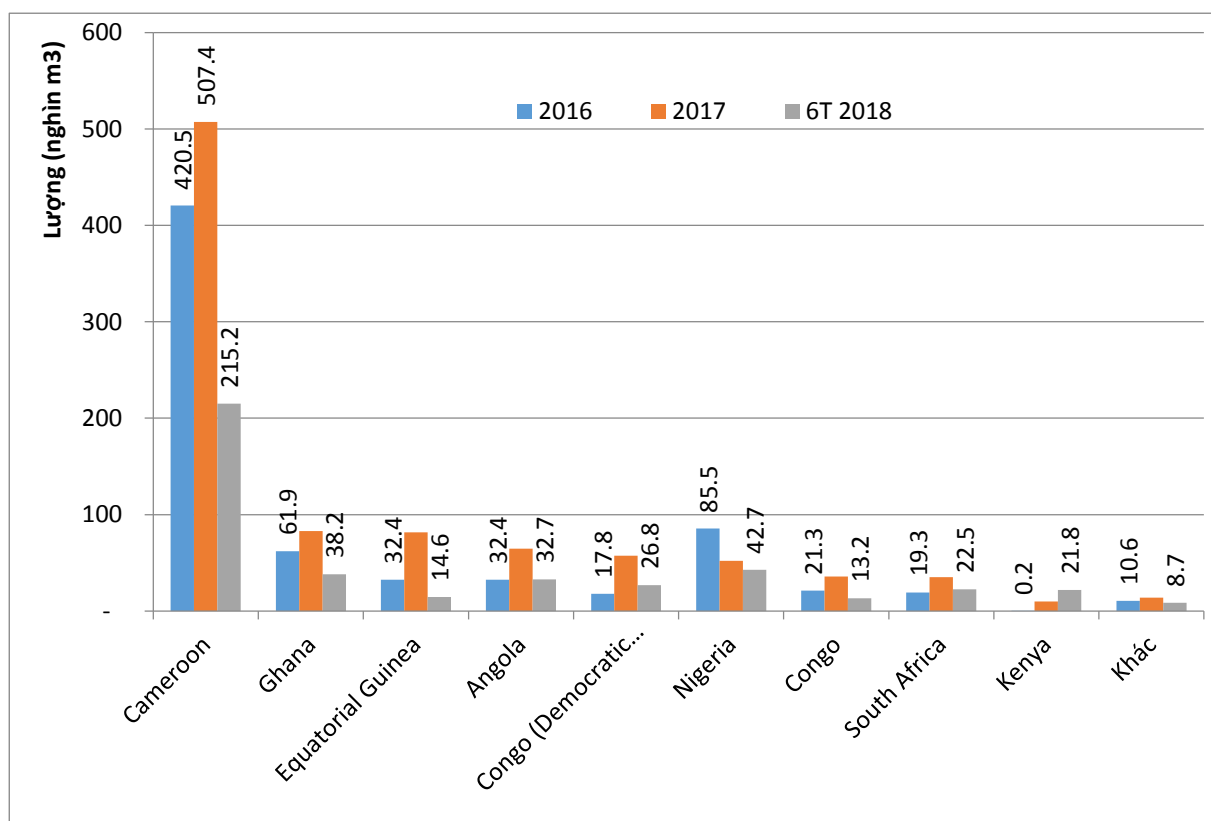
Quốc gia	Lượng (m3)			Giá trị (USD)		
	2016	2017	6 tháng 2018	2016	2017	6 tháng 2018
Cameroon	420.471	507.391	215.151	164.280.698	207.579.452	93.858.229
Ghana	61.870	82.939	38.204	25.443.063	30.354.646	12.777.442
Equatorial Guinea	32.368	81.441	14.601	8.945.269	26.326.189	4.963.261
Angola	32.442	64.639	64.639	6.706.836	14.563.389	7.257.028
Congo (Democratic Rep.)	17.843	57.329	57.329	8.154.372	28.917.014	17.404.97
Nigeria	85.489	52.167	52.167	35.942.186	18.738.204	14.406.339
Congo	21.274	35.594	35.594	7.728.489	13.484.589	5.309.877
South Africa	19.260	34.996	34.996	3.784.013	6.404.270	4.499.886
Kenya	198	9.847	9.847	47.740	3.024.698	6.744.299

Nguồn: Phân tích của VIFORES, FPA BD, HAWA và FOREST TRENDS từ số liệu Hải quan Việt Nam

Trong 6 tháng đầu 2018, lượng và giá trị nhập gỗ tròn từ các quốc gia cung chính cho Việt Nam vẫn rất lớn. Cụ thể:

- Từ Cameroon: 215.151 m³, 93,9 triệu USD về kim ngạch
- Angola: 64.639 m³, 7,2 triệu USD
- Congo (dem rep): 57.329 m³, 17,4 triệu USD.

Hình 7. Thay đổi lượng nhập từ các quốc gia cung gỗ tròn cho Việt Nam



Nguồn: Phân tích của VIFORES, FPA BD, HAWA và FOREST TRENDS từ số liệu Hải quan Việt Nam

Trừ nguồn cung từ Nigeria, lượng cung gỗ tròn từ các quốc gia Châu Phi khác cho Việt Nam trong năm 2017 đều tăng so với năm 2016. Tốc độ gia tăng cao nhất tại các quốc gia như Cameroon (tăng gần 87.000 m³), Equatorial Guinea (tăng trên 21.000 m³), Congo (gần 40.000 m³).

Đà tăng trưởng trong nhập khẩu vẫn được duy trì trong 6 tháng đầu 2018.

Cameroon là quốc gia xuất khẩu gỗ tròn và xẻ lớn nhất về Việt Nam nhờ vị trí địa lý thuận lợi, hệ thống hạ tầng giao thông và cảng biển lợi thế hơn so với các nước trong khu vực.

Phụ lục 1 chỉ ra thông tin chi tiết về lượng và giá trị nhập gỗ tròn vào Việt Nam từ các quốc gia Châu Phi tính đến hết 6 tháng năm 2018.

3.4. Các loài gỗ tròn nhập khẩu

Trong báo cáo “Việt Nam nhập khẩu gỗ nguyên liệu từ Châu Phi: Thực trạng và rủi ro” phát hành vào tháng 3 năm 2018 (<http://goviet.org.vn/bai-viet/bao-cao-viet-nam-nhap-khau-go-nguyen-lieu-tu-chau-phi-thuc-trang-va-rui-ro-8780>), các tác giả đã thảo luận chi tiết về sự lộn xộn trong tên gọi của một số các loài gỗ, bao gồm cả gỗ tròn và gỗ xẻ được nhập khẩu vào Việt Nam từ các nước Châu Phi. Nhìn chung, nhiều loài gỗ từ Châu Phi còn rất mới mẻ với Việt Nam. Để tiện cho việc gọi tên, các doanh nghiệp nhập khẩu và các hộ chế biến tại làng nghề, nơi gỗ Châu Phi được sử dụng đã dùng tên của các loài gỗ của Việt Nam hoặc của các nước lân cận với Việt Nam đã phổ biến với người Việt Nam để gọi tên các loài gỗ từ Châu Phi. Tuy nhiên, các loài gỗ từ Châu Phi không nhất thiết giống các loài gỗ của Việt Nam hoặc của các nước lân cận. Các tác giả cho thấy rằng sự lộn xộn trong tên gọi là nguyên nhân dẫn đến một số mâu thuẫn trong thương mại ở Việt Nam. Thêm vào đó, lộn xộn trong

tên gọi và thiếu các thông tin khoa học về các loài nhập khẩu cũng sẽ làm xuất hiện các rủi ro mới trong ngành chế biến gỗ của Việt Nam trong tương lai.

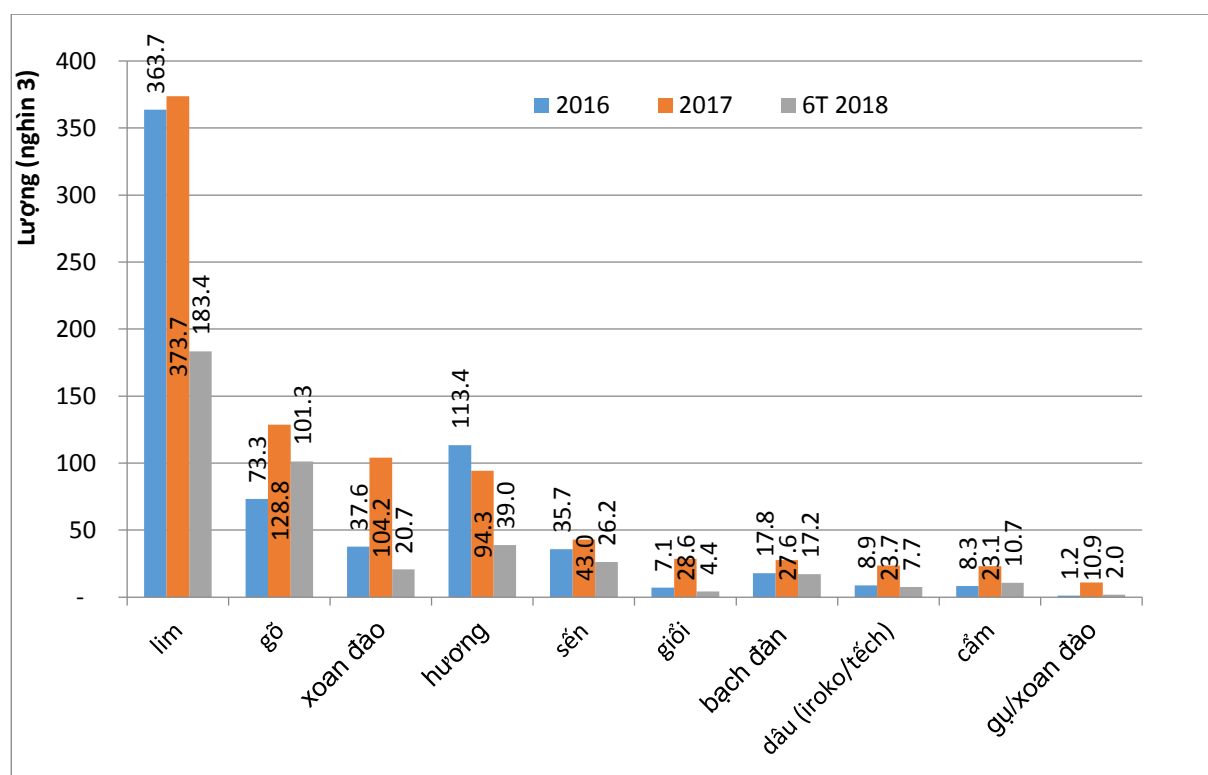
Để đơn giản hóa, phần dưới đây có sử dụng tên của các loài gỗ theo tên gọi của các loài được nhà nhập khẩu khai báo trong tờ khai hải quan. Tuy sử dụng các tên này, nhóm tác giả không có bất cứ cơ sở khoa học nào để bảo đảm rằng các tên gọi của các loài được nhập khẩu là chính xác về khoa học.

Bảng 2. Lượng và giá trị các loài gỗ tròn nhập khẩu từ Châu Phi vào Việt Nam.

Tên gỗ	Lượng (m3)			Trị giá (USD)		
	2016	2017	6 tháng 2018	2016	2017	6 tháng 2018
lim	363.692	373.670	183.353	140.420.506	155.649.211	81.148.276
gỗ	73.304	128.777	101.255	31.956.401	53.741.477	36.648.447
xoan đào	37.586	104.157	20.745	12.488.577	36.984.349	7.664.955
hương	113.361	94.287	38.956	46.137.867	33.841.726	12.517.818
sến	35.705	43.015	26.189	13.645.278	16.075.402	10.471.564
giổi	7.110	28.627	4.368	2.103.272	8.850.808	1.247.535
bạch đàn	17.808	27.587	17.228	3.273.411	4.830.406	3.052.621
dâu (iroko/tếch) ⁵	8.887	23.691	7.698	2.119.667	7.322.802	1.960.533
cắm	8.299	23.057	10.691	4.639.594	7.661.364	4.797.882
gụ/xoan đào	1.242	10.895	1.962	1.242	4.948.668	640.544
Tổng	666.994	857.763	412.445	256.785.815	329.906.213	160.150.175

Nguồn: Phân tích của VIFORES, FPA BD, HAWA và FOREST TRENDS từ số liệu Hải quan Việt Nam

Hình 8. Thay đổi về lượng của các loài gỗ tròn nhập khẩu vào Việt Nam



Nguồn: Phân tích của VIFORES, FPA BD, HAWA và FOREST TRENDS từ số liệu Hải quan Việt Nam

⁵ dâu (iroko/tếch) là tên các tên được nhà nhập khẩu sử dụng theo tờ khai hải quan để mô tả 1 loài gỗ nhập khẩu.

Lim, gỗ, xoan đào, hương và 4 loài gỗ có lượng nhập lớn nhất. Lượng nhập gỗ có xu hướng tăng, trong khi lượng nhập của hương giảm. Cụ thể, trong 6 tháng đầu 2018, lượng gỗ nhập khẩu trong 6 tháng đầu 2018 chiếm tới gần 79% tổng lượng gỗ nhập khẩu năm 2017. Lượng xoan đào nhập khẩu trong 6 tháng 2018 chỉ chiếm dưới 20% lượng gỗ này nhập khẩu trong năm 2017.

Lim là loài có kim ngạch nhập khẩu cao nhất trong tất cả các loài gỗ nhập khẩu (bảng 2). Trong năm 2017, các doanh nghiệp đã chi 115,6 triệu USD để nhập khẩu 373.670 m³ gỗ lim tròn về Việt Nam. Trong 6 tháng năm 2018, giá trị kim ngạch nhập khẩu của gỗ lim tròn đạt trên 81 triệu USD.

Gỗ lim Châu Phi được nhập khẩu chủ yếu về Việt Nam qua các cảng biển ở Phía Bắc (Bảng 3). Các cảng nhập khẩu quan trọng nhất bao gồm Tân cảng 198, Tân Cảng Hải Phòng, Hoàng Diệu (Hải Phòng), và Đình Vũ Nam Hải.

Bảng 3: Các cảng nhập khẩu nhiều gỗ tròn từ thị trường Châu Phi

Cảng/cửa khẩu	Lượng (m ³)			Tri giá (USD)		
	2016	2017	6 tháng 2018	2016	2017	6 tháng 2018
TAN CANG (189)		209,384	68,205		77,331,068	28,415,150
HOANG DIEU (HP)	238,258	138,659	71,340	87,034,938	56,200,045	28,713,157
TAN CANG HAI PHONG	120,296	109,885	16,604	50,190,892	42,111,265	6,472,751
DINH VU NAM HAI	61,098	105,525	48,609	25,007,680	45,753,014	22,681,140
CANG XANH VIP		94,405	52,885		35,532,498	18,640,373
CANG HAI PHONG	185,086	82,816	30,465	68,089,972	27,483,506	10,491,134
CANG CAT LAI (HCM)	39,938	69,029	39,920	15,984,083	27,171,184	15,389,911
CANG QUI NHON (BINH DINH)	16,760	26,089	17,415	3,083,058	4,433,700	3,063,827
TAN CANG 128		25,279	5,729		8,078,869	1,473,628
CANG HAI AN	6,045	24,501	1,154	2,407,953	9,267,553	324,666
PTSC DINH VU	120	19,030	280	48,360	7,116,171	124,038
NAM HAI	15,825	10,290	9,782	6,861,243	3,524,653	2,919,199
CANG TAN VU - HP		4,725	48,640		1,873,444	21,002,263
GREEN PORT (HP)	4,035	4,014	10,067	1,692,018	1,761,293	4,728,702
CANG DINH VU - HP	1,761	3,964	455	776,673	1,569,377	176,095
KHÁC	12,568	12,471	14,802	5,459,545	4,965,073	5,370,487

Nguồn: Phân tích của VIFORES, FPA BD, HAWA và FOREST TRENDS từ số liệu Hải quan Việt Nam

4. Việt Nam nhập khẩu gỗ xẻ từ Châu Phi

4.1. Lượng và giá trị nhập khẩu

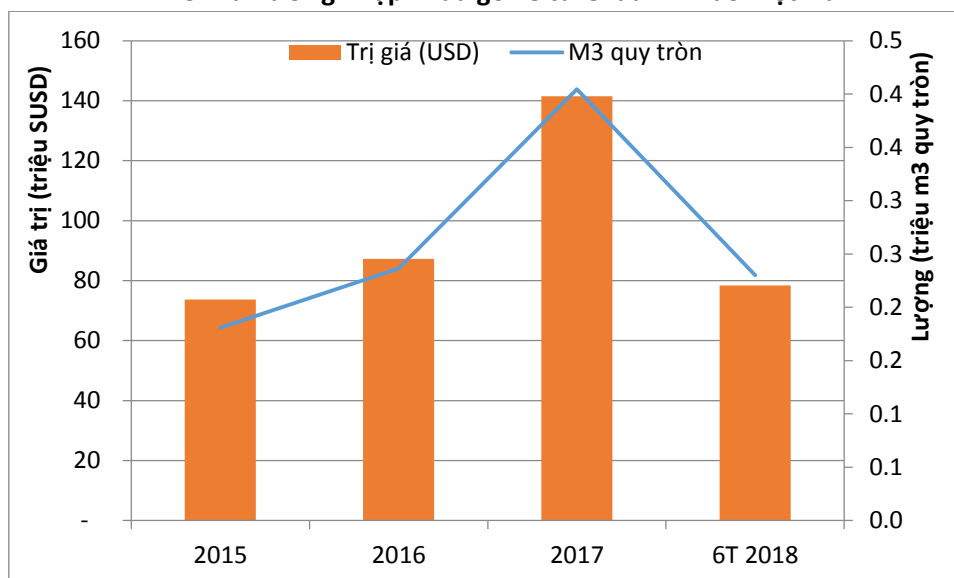
Bảng 4 chỉ ra lượng và giá trị gỗ xẻ nhập khẩu từ Châu Phi vào Việt Nam tính đến hết 6 tháng năm 2018. Hình 8 chỉ ra xu thay đổi về lượng và giá trị nhập khẩu gỗ xẻ nhập khẩu từ nguồn này.

Bảng 4: Lượng và giá trị nhập khẩu gỗ xẻ từ Châu Phi giai đoạn 2016 – 6 tháng 2018

Năm	Lượng (m ³)	Tri giá (USD)	M3 quy tròn
2015	126.632	73.650.127	180.679
2016	165.713	87.266.576	236.440
2017	283.480	141.505.922	404.470
6T 2018	161.239	78.391.097	230.056

Nguồn: Phân tích của VIFORES, FPA BD, HAWA và FOREST TRENDS từ số liệu Hải quan Việt Nam

Hình 9: Xu hướng nhập khẩu gỗ xẻ từ Châu Phi vào Việt Nam



Nguồn: Phân tích của VIFORES, FPA BD, HAWA và FOREST TRENDS từ số liệu Hải quan Việt Nam

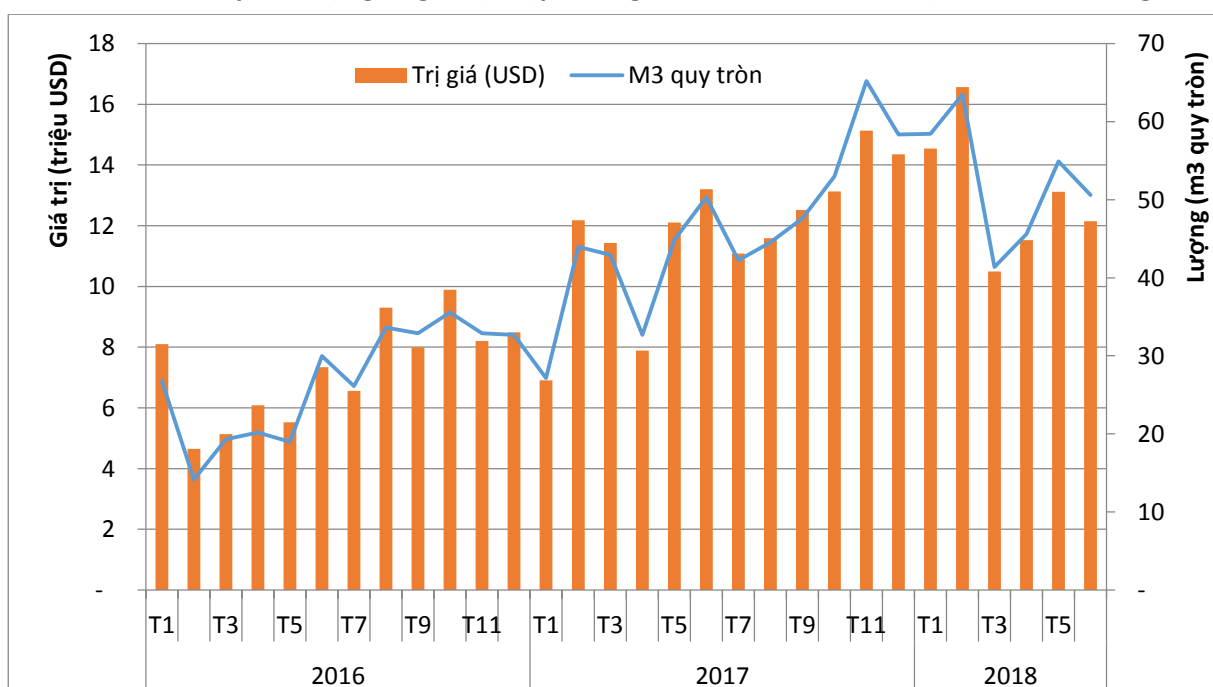
Xu hướng nhập khẩu (hình 9) cho thấy cả lượng và giá trị nhập khẩu gỗ xẻ đều tăng nhanh trong những năm vừa qua. Năm 2017, lượng gỗ xẻ từ Châu Phi nhập khẩu vào Việt Nam đạt gần 238.500 m3, tương đương với gần 404.500 m3 gỗ quy tròn (141,5 triệu USD về kim ngạch). Các con số này của năm 2016 là khoảng 165.700 m3 gỗ xẻ (236.400 m3 quy tròn, 87,3 triệu USD kim ngạch).

Riêng trong 6 tháng đầu 2018, lượng gỗ xẻ nhập khẩu là khoảng 161.200 m3, tương đương với 230.100 m3 gỗ quy tròn (kim ngạch gần 78,4 triệu USD). Lượng nhập 6 tháng đầu 2018 chiếm gần 57% lượng nhập năm 2017. Kim ngạch nhập 6 tháng đầu 2018 chiếm 55,4% tổng kim ngạch nhập khẩu gỗ xẻ từ nguồn này năm 2017.

Lượng nhập năm 2017 tăng 71% so với lượng nhập năm 2016.

Hình 10 chỉ ra sự thay đổi về lượng và kim ngạch nhập khẩu gỗ xẻ từ Châu Phi vào Việt Nam tính đến hết 6 tháng năm 2018.

Hình 10: Thay đổi lượng và giá trị nhập khẩu gỗ xẻ từ Châu Phi vào Việt Nam theo tháng



Nguồn: Phân tích của VIFORES, FPA BD, HAWA và FOREST TRENDS từ số liệu Hải quan Việt Nam

Xu hướng nhập khẩu cho thấy lượng cung và giá trị nhập khẩu gỗ xẻ tăng đều trong các tháng trong năm.

4.2. Nguồn cung chính

Bảng 5 chỉ ra các nguồn cung gỗ xẻ từ Châu Phi cho Việt Nam. Các quốc gia đứng đầu danh sách về lượng cung bao gồm Gabon, Cameroon, Nigeria, Ghana và Mozambique.

Năm 2017 có 23 quốc gia ở Châu Phi cung gỗ xẻ cho Việt Nam. Năm 2016 chỉ có 18 quốc gia, tương đương với số lượng quốc gia cung gỗ xẻ cho Việt Nam trong 6 tháng đầu 2018.

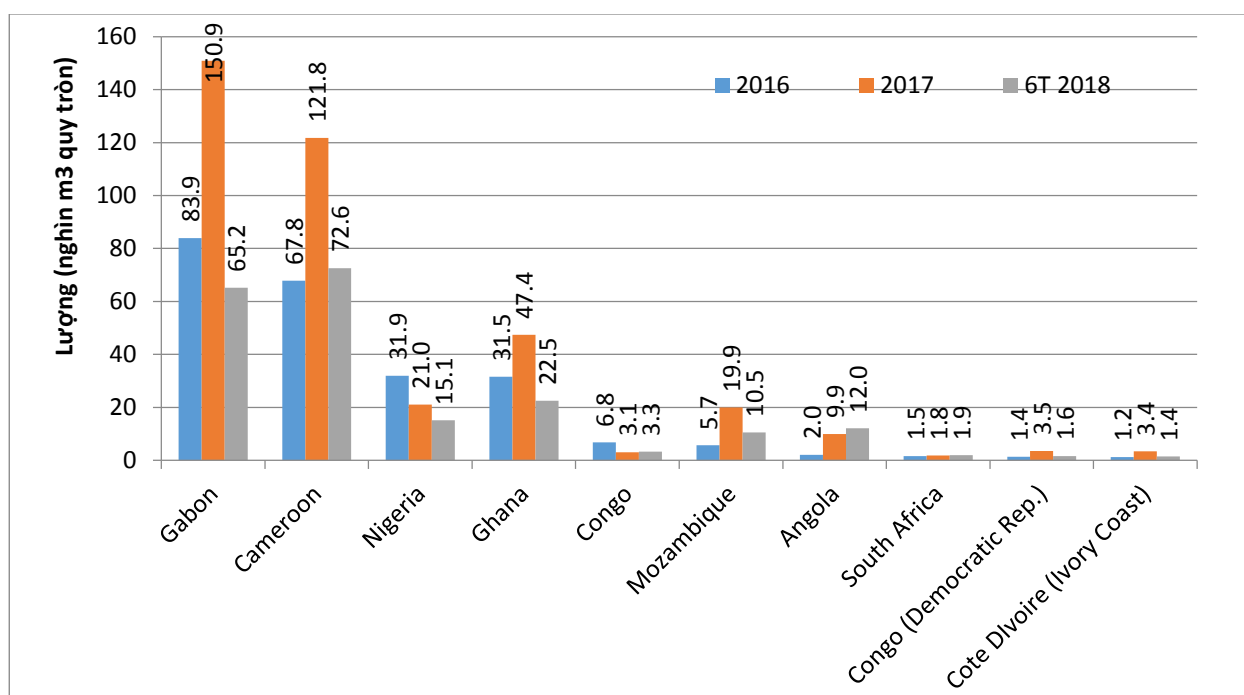
Bảng 5: Các thị trường nhập khẩu gỗ xẻ nhiều từ Châu Phi

Nguồn cung	Lượng (m3)			M3 quy tròn			Trị giá (USD)		
	2016	2017	6 T 2018	2016	2017	6T 2018	2016	2017	6 tháng 2018
Gabon	58.814	105.780	45.709	83.916	150.927	65.218	35.276.101	63.964.560	28.250.247
Cameroon	47.552	85.349	50.888	67.847	121.777	72.607	26.257.832	38.756.961	23.566.207
Nigeria	22.345	14.746	10.577	31.882	21.039	15.091	8.961.998	5.372.150	3.999.047
Ghana	22.092	33.236	15.751	31.521	47.421	22.473	10.016.588	14.246.892	5.798.595
Congo	4.753	2.145	2.331	6.781	3.061	3.325	3.007.470	1.373.911	1.415.998
Mozambique	3.966	13.956	7.369	5.658	19.912	10.515	1.382.923	3.969.876	2.267.540
Angola	1.431	6.955	8.444	2.042	9.923	12.048	327.717	2.315.646	2.980.098
South Africa	1.074	1.244	1.324	1.532	1.775	1.889	267.600	727.776	1.337.110
Congo (Democratic Rep.)	968	2.480	1.138	1.381	3.539	1.623	478.848	1.410.957	495.545
Cote D'Ivoire (Ivory Coast)	861	2.382	1.014	1.228	3.399	1.447	508.782	1.619.100	641.589
Khác	1.857	15.207	16.694	2.650	21.698	23.819	780.715	7.748.092	7.639.121

Nguồn: Phân tích của VIFORES, FPA BD, HAWA và FOREST TRENDS từ số liệu Hải quan Việt Nam

Hình 10 cho thấy thay đổi về cung gỗ xẻ tại một số quốc gia tính đến hết tháng 6 năm 2018. Các chỉ số từ Hình 11 cho thấy nhìn chung lượng cung gỗ xẻ từ các quốc gia này tăng, đặc biệt tại Gabon, Cameroon, Ghana và Mozambique. Trong khi đó, lượng cung từ Nigeria giảm.

Hình 11: Xu hướng thay đổi lượng cung gỗ xẻ từ Châu Phi cho Việt Nam (m3 quy tròn)



Nguồn: Phân tích của VIFORES, FPA BD, HAWA và FOREST TRENDS từ số liệu Hải quan Việt Nam

Phụ lục 2 là danh sách các quốc gia cung gỗ xẻ cho Việt Nam đến hết 2018, về lượng và giá trị

4.3. Các loài nhập khẩu

Bảng 6 mô tả lượng và giá trị các loài gỗ xẻ được nhập khẩu từ các nước Châu Phi vào Việt Nam. Như trên đã đề cập, tên của các loài gỗ được sử dụng theo tên khai báo hải quan của nhà nhập khẩu. Tên này chưa chắc đã phản chính xác loài nhập khẩu.

Bảng 6: Lượng và trị giá các loại gỗ xẻ nhập khẩu phổ biến

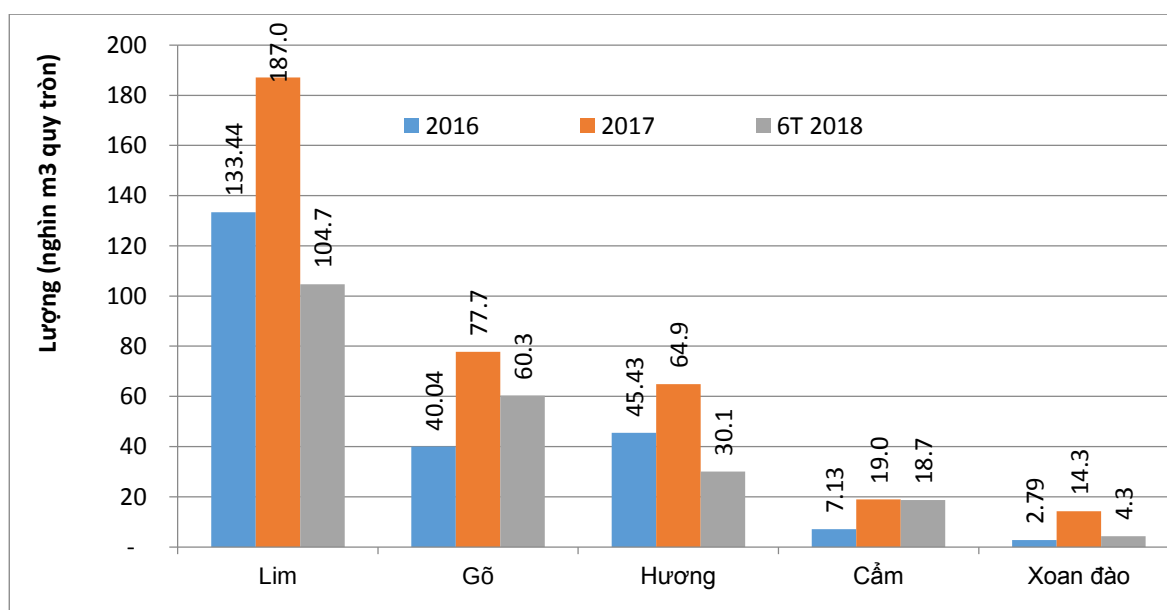
Tên gỗ	Lượng (m3)			M3 quy tròn			Trị giá (USD)		
	2016	2017	6T 2018	2016	2017	6T 2018	2016	2017	6T 2018
lim	93.525	131.094	73.405	133.441	187.045	104.734	51.094.772	69.704.492	40.860.817
gỗ	28.063	54.457	42.289	40.040	77.699	60.338	13.198.066	23.817.466	17.221.152
hương	31.838	45.508	21.067	45.426	64.931	30.058	13.867.192	20.997.977	10.048.265
cắm	5.000	13.315	13.123	7.134	18.998	18.723	6.103.205	10.751.652	5.681.805
xoan đào	1.957	9.995	3.034	2.792	14.261	4.329	1.136.318	4.147.930	1.310.148
giổi		9.877	1.885	-	14.093	2.689		4.374.221	856.562
dâu	209	3.100	415	299	4.423	592	37.844	985.965	93.075
sến	170	2.198	310	243	3.136	442	86.685	1.094.322	116.070
ngựa vằn	955	1.719	279	1.363	2.453	398	423.224	719.608	64.608
muồng	530	1.615	897	755	2.304	1.280	264.712	833.302	318.735
bạch đàn	1.692	863	36	2.414	1.231	51	403.441	205.976	4.320
giá tỵ	473	830	282	676	1.184	402	235.804	543.215	152.309

Nguồn: Phân tích của VIFORES, FPA BD, HAWA và FOREST TRENDS từ số liệu Hải quan Việt Nam

Gần như tương tự đối với các loài gỗ tròn, lim, gỗ, hương, cắm là những loài gỗ xẻ có lượng nhập khẩu lớn, với lượng nhập gia tăng. Ví dụ, lượng gỗ gỗ nhập khẩu tăng từ khoảng 28.000 m3 năm 2016 lên tới gần 54.500 m3 năm 2017. Trong 6 tháng đầu 2018, lượng nhập loài gỗ này lên tới gần 42.300 m3, tương đương với gần 78% lượng nhập loài gỗ này năm 2017. Đối với gỗ cắm, lượng nhập 6 tháng đầu 2018 gần tương đương với lượng nhập cả năm 2017.

Hình 12 chỉ ra xu hướng thay đổi lượng nhập của các loài gỗ xẻ có lượng nhập lớn. Nhìn chung, lượng nhập của các loài đang trên đà tăng.

Hình 12: Xu hướng nhập khẩu một số loại gỗ xẻ phổ biến (m3 quy tròn)



Nguồn: Phân tích của VIFORES, FPA BD, HAWA và FOREST TRENDS từ số liệu Hải quan Việt Nam

4.4. Cửa khẩu

Năm 2017 đã có 27 cửa khẩu đã được sử dụng để nhập khẩu gỗ xẻ Châu Phi vào Việt Nam. Năm 2016 có 19 cửa khẩu. 6 tháng đầu 2018, đã có 24 cửa khẩu được sử dụng để nhập khẩu các loài gỗ xẻ từ Châu Phi vào Việt Nam.

Bảng 7 chỉ ra các cửa khẩu nhập khẩu.

Bảng 7: Cảng nhập gỗ xẻ lớn từ thị trường Châu phi

Cảng/cửa khẩu	Lượng (m3)			M3 quy tròn			Tri giá (USD)		
	2016	2017	6T 2018	2016	2017	6T 2018	2016	2017	6T 2018
DINH VU NAM HAI (HP)	45.549	76.451	36.886	64.989	109.081	52.629	20.851.242	36.127.825	17.558.409
CANG XANH VIP (HP)	1.100	62.200	42.405	1.570	88.748	60.503	879.565	30.676.419	20.757.557
TAN CANG HAI PHONG	53.384	47.861	10.864	76.168	68.289	15.500	30.064.700	25.120.103	5.572.040
CANG HAI PHONG	38.069	41.871	14.665	54.316	59.741	20.924	22.495.391	21.596.004	7.054.763
CANG CAT LAI (HCM)	17.047	24.868	13.616	24.322	35.481	19.427	8.302.093	12.328.390	6.233.249
CANG HAI AN (HP)	1.077	6.862	569				602.906	3.555.494	195.779
CANG TAN VU - HP		5.864	26.694	-	8.366	38.086		2.669.490	13.067.095
NAM HAI (HP)	3.630	4.025	2.727	5.179	5.742	3.891	1.539.377	1.407.862	1.491.717
CANG PTSC DINH VU (HP)	2.027	737	383	2.893	1.051	547	900.394	441.358	127.533
CANG QUI NHON (BINH DINH)	1.065	762		1.519	1.088	-	301.935	188.918	
TAN CANG 128 (HP)		3.136		-	4.475	-		1.741.988	
KHAC	2.766	8.843	12.432	3.947	12.618	17.738	1.328.972	5.652.073	6.332.955

Nguồn: Phân tích của VIFORES, FPA BD, HAWA và FOREST TRENDS từ số liệu Hải quan Việt Nam

Khu vực Hải Phòng cũng là nơi có số lượng gỗ xẻ nhập khẩu từ Châu Phi lớn vào Việt Nam.

Phần 5 dưới đây phân tích về một số chỉ số quản trị của các quốc gia thuộc khu vực Châu Phi cung gỗ nguyên liệu cho Việt Nam. Các chỉ số này phản ánh các khía cạnh rộng hơn khí cạnh quản trị lâm nghiệp tại các quốc gia này. Tuy nhiên, các chỉ số này cho thấy bức tranh quản trị vĩ mô về quốc gia, từ đó đưa ra một số thông tin có liên quan có liên quan đến rủi ro về mặt pháp lý của nguồn gỗ nguyên từ các quốc gia này.

5. Quản trị tài nguyên tại các quốc gia xuất khẩu gỗ cho Việt Nam

Bảng 8 đưa ra thông tin chi tiết về các chỉ số quản trị của các quốc gia cung gỗ cho Việt Nam. Thang chỉ số từ 1-100, trong đó 1 là mức thấp nhất, thể hiện mức độ quản trị thấp nhất, 100 là mức độ quản trị cao nhất.

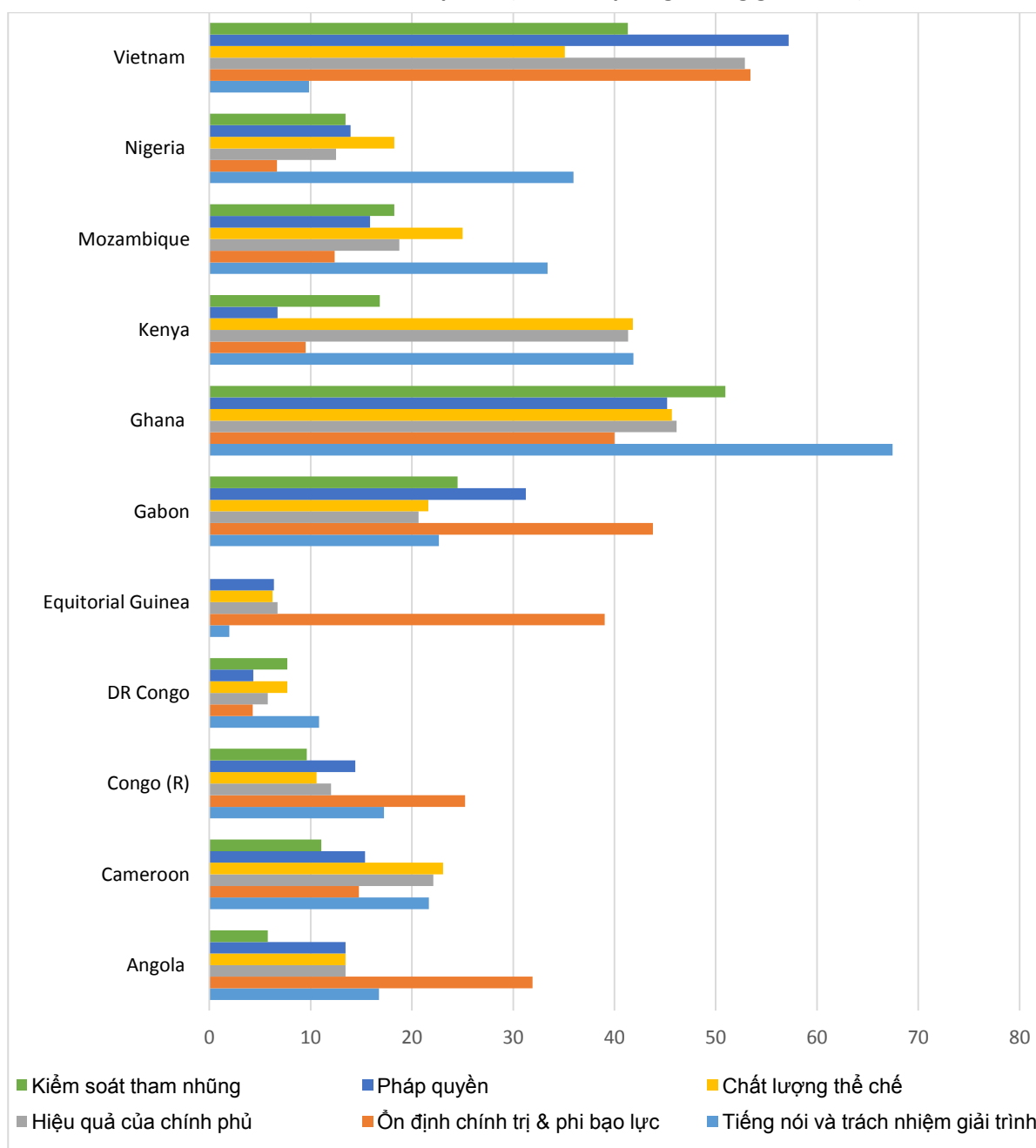
Bảng 8. Các chỉ số quản trị cơ bản năm 2016 của các quốc gia cung gỗ cho Việt Nam

TT	Quốc gia	Tiếng nói & trách nhiệm giải trình	Ổn định chính trị & phi bạo lực	Hiệu quả của chính phủ	Chất lượng thể chế	Pháp quyền	Kiểm soát tham nhũng
1	Angola	16,75	31,9	13,46	13,46	13,46	5,77
2	Cameroon	21,67	14,76	22,12	23,08	15,38	11,06
3	Congo (R)	17,24	25,24	12,02	10,58	14,42	9,62
4	DR Congo	10,84	4,29	5,77	7,69	4,33	7,69
5	Equitorial Guinea	1,97	39,05	6,73	6,25	6,37	0
6	Gabon	22,66	43,81	20,67	21,63	31,25	24,52
7	Ghana	67,47	40	46,15	45,67	45,19	50,96
8	Kenya	41,87	9,52	41,35	41,83	6,73	16,83
9	Mozambique	33,39	12,38	18,75	25	15,87	18,27
10	Nigeria	35,96	6,67	12,5	18,27	13,94	13,46
11	Vietnam ⁶	9,85	53,43	52,88	35,1	57,21	41,33

Nguồn: <http://info.worldbank.org/governance/wqi/#home>

⁶ Các chỉ số của Việt Nam chỉ có ý nghĩa tham khảo.

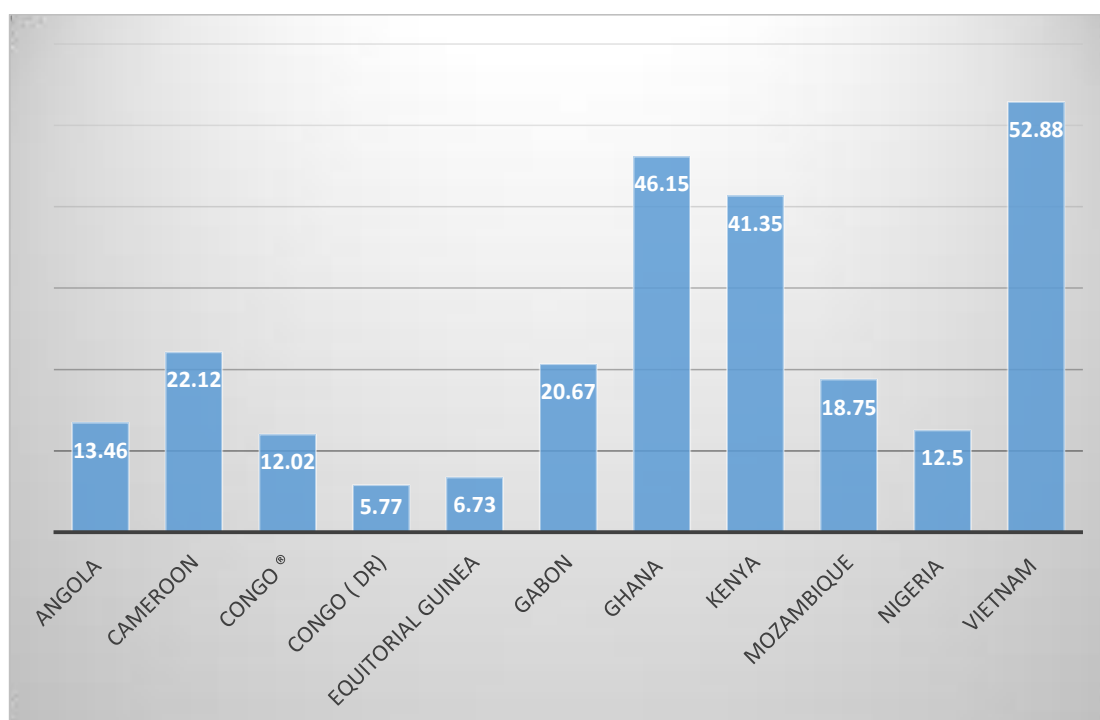
Hình 13. So sánh các chỉ số quản trị của các quốc gia cung gỗ cho Việt Nam



Bảng 8 và Hình 13 cho thấy nhìn chung cả các chỉ số về quản trị quốc gia của các nước cung gỗ nguyên liệu cho Việt Nam đều rất thấp. Mặc dù Ghana và Kenya có các chỉ số cao hơn các quốc gia khác, các chỉ số của 2 quốc gia này vẫn ở mức trung bình thấp.

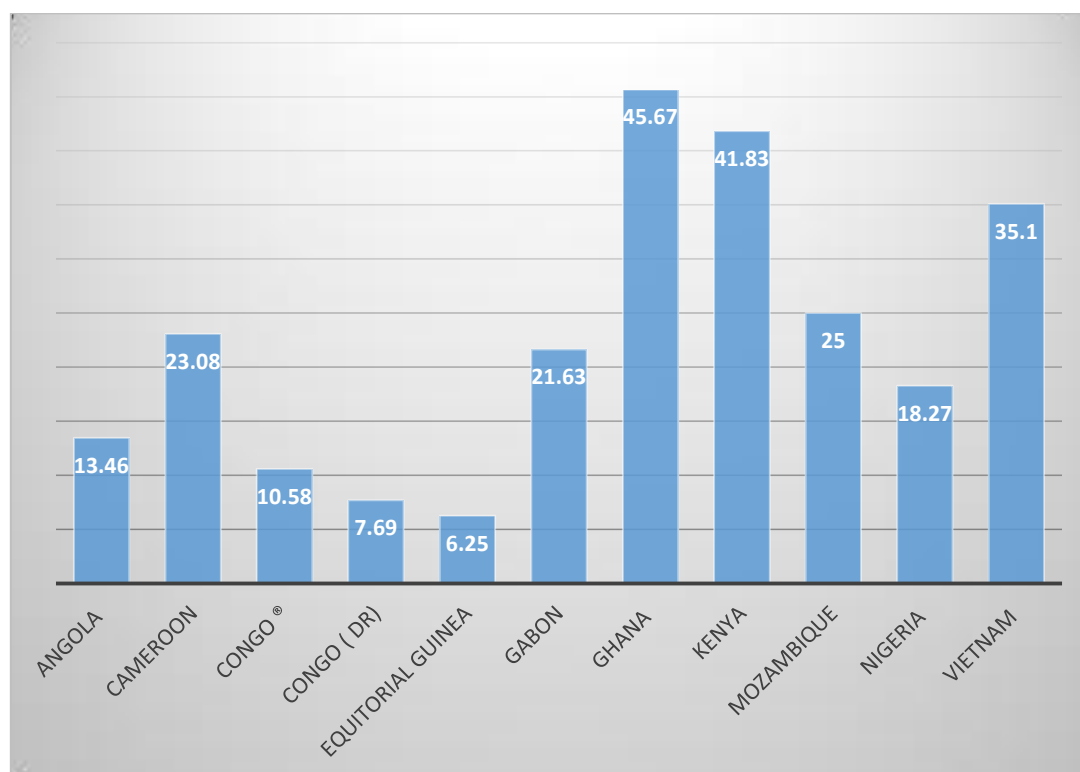
Hình 14, 15, và 16 đánh giá ba chỉ số cơ bản có liên quan trực tiếp đến quản lý và sử dụng tài nguyên ở các quốc gia này.

Hình 14. Các chỉ số về hiệu quả của chính phủ của các quốc gia cung gỗ cho Việt Nam



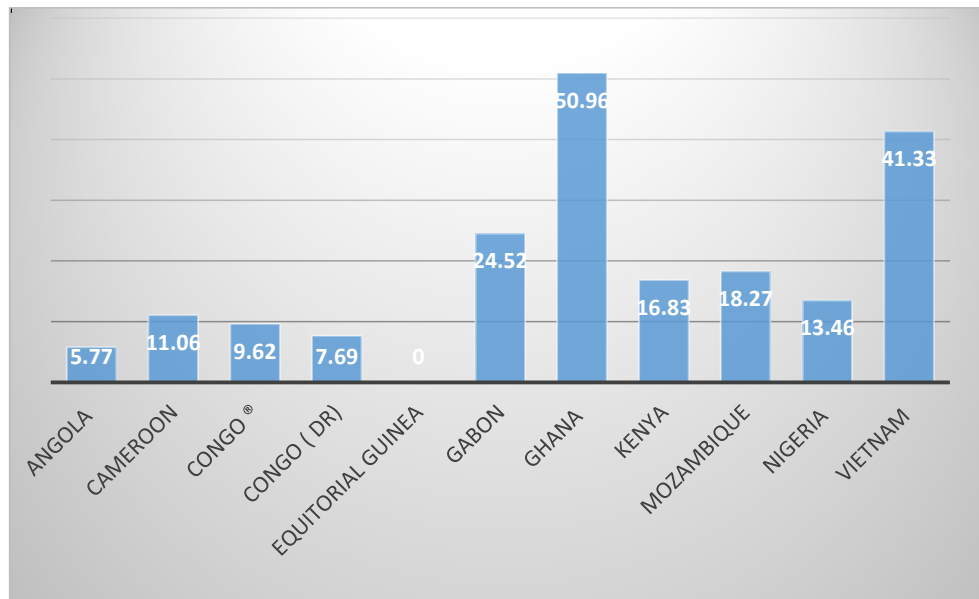
Hiệu quả của chính quyền, bao gồm cả việc ban hành chính sách, thực thi chính sách và cam kết với các chính sách ở mức thấp. Ghana và Kenya, 2 quốc gia có chất lượng cao nhất, tuy nhiên chỉ ở mức trung bình thấp, các quốc gia như Congo và Equitorial Guinea ở mức rất thấp.

Hình 15. Chỉ số quản trị về chất lượng thể chế của các quốc gia cung gỗ cho Việt Nam



Chất lượng thể chế, bao gồm năng lực của chính phủ trong việc ban hành và thực thi các chính sách hiệu quả và các chính sách khuyến khích sự phát triển của khối tư nhân cũng phổ biến ở mức rất thấp.

Hình 16. Chỉ số về kiểm soát tham nhũng tại các quốc gia cung gỗ cho Việt Nam



Các quốc gia như Angola, Cameroon, Cộng hòa Congo, Equitorial Guinea thể hiện khả năng mất kiểm soát đối với nạn tham nhũng. Các chỉ số về khía cạnh kiểm soát tham nhũng tại các quốc gia này đều ở mức rất thấp.

Mặc dù chỉ số hiệu quả của chính quyền và chất lượng thể chế của Kenya cao so với các quốc gia khác, chỉ số kiểm soát tham nhũng của Kenya ở mức thấp, phản ánh tính không hiệu quả trong việc kiểm soát tham nhũng tại quốc gia này.

Các chỉ số về quản trị quốc gia ở các quốc gia Châu Phi cung gỗ nguyên liệu cho Việt Nam đều ở mức rất thấp hoặc thấp cho thấy mức độ rủi ro có thể có liên quan đến gỗ nguyên liệu từ các nguồn này.

a. Chỉ số Nhận thức về Tham nhũng

Tổ chức Minh bạch Quốc (TI) vừa đưa ra Báo cáo về Chỉ số nhận thức tham nhũng (https://www.transparency.org/news/feature/corruption_perceptions_index_2017). Bản báo cáo này là kết quả của cuộc điều tra được thực hiện tại 180 quốc gia/ vùng lãnh thổ. Điều tra có mục tiêu đánh giá qua nhận thức của các chuyên gia và những người kinh doanh về mức độ tham nhũng của khu vực công tại mỗi quốc gia này. Nhận thức được xếp theo thang điểm từ 0 đến 100, trong đó 0 là mức tham nhũng rất cao, 100 là mức không có tham nhũng. Các chỉ số này được sử dụng để đánh giá nhiều lĩnh vực khác nhau của mỗi quốc gia. Các chỉ số này sau đó được tổng hợp, thành chỉ số chung của mỗi quốc gia. Dựa trên chỉ số chung này, 180 quốc gia này được xếp hạng, từ 1 đến 180, với mức 1 là mức không có tham nhũng và 180 là tham nhũng cao. Bảng 15 thể hiện kết quả xếp hạng của các quốc gia cung gỗ nguyên liệu cho Việt Nam.

Bảng 9. Xếp hạng mức độ tham nhũng tại một số quốc gia Châu Phi cung gỗ cho Việt Nam⁷

Quốc gia	Xếp hạng (trong 180 quốc gia)
Cameroon	153
Congo (cộng hòa)	161
Congo (Cộng hòa Dân chủ	161
Equatorial Guinea	171
Gabon	117
Ghana	81
Kenya	143
Nigeria	148

Nguồn: Tổ chức Minh bạch Quốc tế
(https://www.transparency.org/news/feature/corruption_perceptions_index_2017)

⁷ Các quốc gia Châu Phi khác cung gỗ cho Việt Nam không nằm trong danh sách điều tra của TI.

Kết quả của Bảng 9 cho thấy các quốc gia cung gỗ cho Việt Nam thông thường được xếp cuối bảng về chỉ số nhận thức tham nhũng. Điều này cho thấy mức độ phổ biến về tham nhũng tại các quốc gia này.

b. Chính sách và thực thi chính sách lâm nghiệp tại các quốc gia

Angola

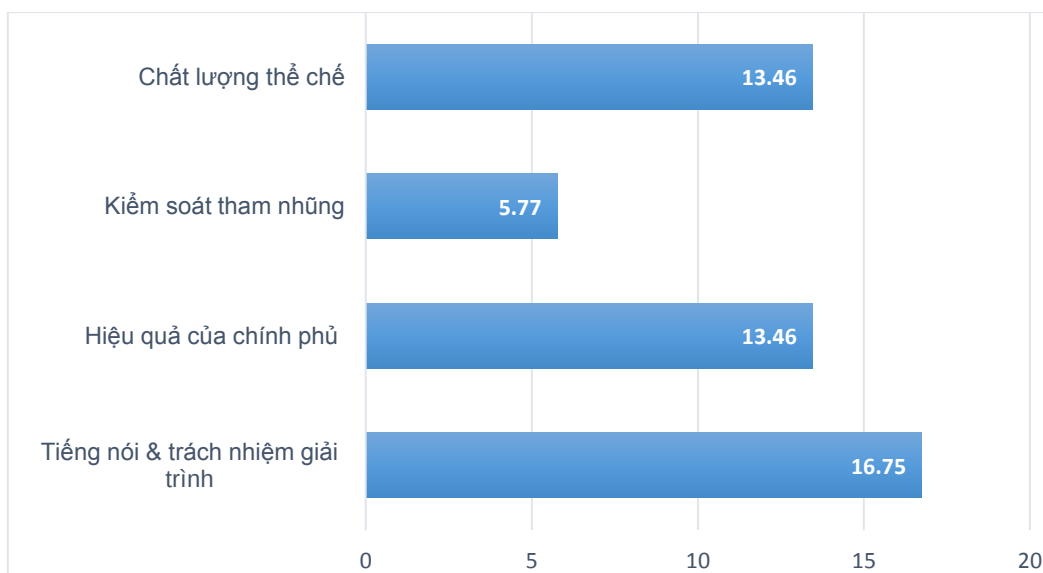
Theo Mongabay⁸ Angola có khoảng 59,1 triệu ha rừng nhiệt đới, với độ che phủ khoảng 47,4%.⁹ Diện tích rừng trồng không đáng kể, khoảng 130.000 ha (năm 2005). Diện tích rừng tự nhiên chủ yếu nằm ở phía Bắc của quốc gia. Hàng năm, diện tích rừng bị mất khoảng 124.800 ha, chủ yếu do các nguyên nhân chuyển đổi đất rừng sang cây nông nghiệp (Angola có 90% dân số làm nghề nông), chăn thả và các hoạt động khai thác củi, gỗ. Angola đã trải qua gần 30 năm nội chiến. Hiện chính phủ đang có những khoản nợ nước ngoài rất lớn, và nguồn thu từ hoạt động khai thác gỗ được (gỗ được bán cho các công ty nước ngoài) là một trong những nguồn thu quan trọng của chính phủ.

Theo Tổ chức Nông lương của Liên Hợp quốc (FAO), ngành lâm nghiệp của Angola đang tồn tại một số vấn đề như sau¹⁰:

- Thiếu dữ liệu thông kê về diện tích và chất lượng rừng hiện tại. Con số thống kê của cơ quan quản lý về diện tích rừng không nhất quán (ví dụ một số cơ quan đưa ra con số 53 triệu ha, cơ quan khác đưa ra con số 23 triệu ha)
- Thiếu dữ liệu thống kê về lượng gỗ khai thác và sử dụng
- Cơ quan quản lý không đủ năng lực và nguồn lực để quản lý, giám sát một cách hiệu quả nguồn tài nguyên rừng
- Khai thác gỗ không có kế hoạch, phương tiện khai thác lạc hậu gây tổn hại đến tài nguyên rừng

Nhìn chung, các chỉ số về quản trị như chất lượng thể chế, kiểm soát tham nhũng, hiệu quả chính phủ và tiếng nói và trách nhiệm giải trình ở mức rất thấp (Hình 17). Điều này cho thấy gỗ khai thác từ Angola tiềm ẩn rủi ro về mặt pháp lý.

Hình 17. Một số chỉ số quản trị nhà nước Angola năm 2016



Nguồn: Tổng hợp từ Chỉ số quản trị toàn cầu (<http://info.worldbank.org/governance/wqi/#home>)

Hiện Angola chưa cấm xuất khẩu gỗ tròn.

⁸ (<https://rainforests.mongabay.com/20angola.htm>)

⁹ Con số thống kê Tổ chức Nông Lương của Liên Hợp Quốc (FAO) đưa ra là 57,9 triệu ha (<http://www.fao.org/countryprofiles/index/en/?iso3=AGO>). Tuy nhiên, trong Báo cáo đánh giá Tài nguyên Rừng của Quốc gia được FAO công bố năm 2007, hiện chưa có con số thống kê diện tích rừng thực tế của Quốc gia, vì cho đến nay chưa có bất cứ một điều tra nào được thực hiện ([file:///capfs.anu.edu.au/cap_users\\$/u5170307/Desktop/Final%20Project%20documentTCP-Angola.pdf](file:///capfs.anu.edu.au/cap_users$/u5170307/Desktop/Final%20Project%20documentTCP-Angola.pdf)).

¹⁰ Nguồn: [file:///capfs.anu.edu.au/cap_users\\$/u5170307/Desktop/Final%20Project%20documentTCP-Angola.pdf](file:///capfs.anu.edu.au/cap_users$/u5170307/Desktop/Final%20Project%20documentTCP-Angola.pdf)

Cameroon

Theo Mongabay¹¹ Cameroon có khoảng 21,2 triệu ha rừng, với độ che phủ khoảng 45,6%. Trong giai đoạn 2000-2005, mỗi năm bình quân quốc gia mất khoảng 220.000 ha rừng. Giai đoạn 2010-2015 tỉ lệ mất rừng tại quốc gia này chỉ là trên 1%.¹²

Vào cuối thập kỷ 90, với sự rớt giá cả các sản phẩm hàng hóa trồng trọt như cà phê, ca cao và giá dầu – các sản phẩm quan trọng của quốc gia -- nhiều diện tích rừng đã bị chuyển đổi nhằm phục vụ cho trồng trọt. Chính phủ cũng bán các diện tích rừng tự nhiên cho các công ty quốc tế nhằm tạo nguồn thu từ khai thác gỗ.

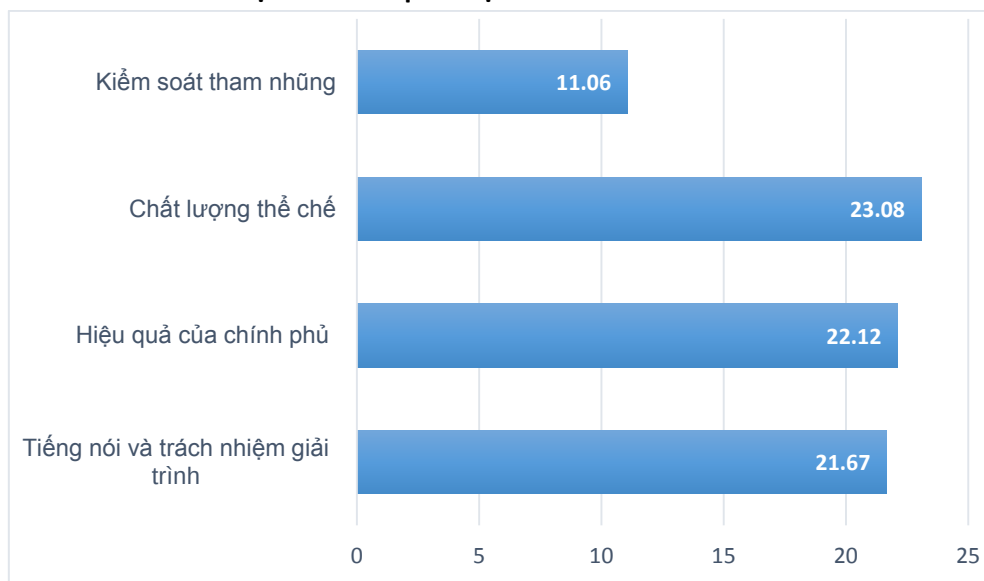
Cameroon là quốc gia đã ký Hiệp định đối tác tự nguyện (FLEGT VPA) với EU vào ngày 1 tháng 12 năm 2011.¹³ Hiện Hiệp định đang trong quá trình thực hiện.

Nhìn chung, khai thác gỗ hiện nay tại Cameroon nằm trong tình trạng mất kiểm soát. Các công ty (chủ yếu của nước ngoài, bao gồm nhiều công ty của Trung Quốc) khai thác tràn lan với sự hậu thuẫn của các bộ quản lý. Theo kết quả đánh giá rủi ro về gỗ của NEPCON¹⁴, Cameroon đạt 21/100 điểm (với thang điểm 0 là rủi ro cao nhất, 100 là rủi ro ít nhất), với các rủi ro cụ thể được tìm thấy trong 14 lĩnh vực liên quan đến các hoạt động lâm nghiệp. Các rủi ro về pháp lý cơ bản có liên quan tới các hoạt động khai thác, quyền khai thác, các loại thuế và phí, quyền của bên thứ ba, và các hoạt động thương mại và vận chuyển.

Thông tin chi tiết về các rủi ro này xem tại: <https://www.nepcon.org/sourcinghub/timber/timber-cameroon>.

Các chỉ số quản trị của quốc gia (Hình 18) ở mức thấp, thông thường khoảng trên dưới 20 trong thang điểm 100.

Hình 18. Một số chỉ số quản trị cơ bản của Cameroon năm 2016



Nguồn: Tổng hợp từ Chỉ số quản trị toàn cầu (<http://info.worldbank.org/governance/wqi/#home>)

Theo Sáng kiến Lâm nghiệp Hợp pháp (Forest Legality Initiative)¹⁵, Chính sách cấm xuất khẩu gỗ tròn một phần đã được thực hiện từ 1999 với lệnh cấm được áp dụng đối với 20 loài gỗ tròn trừ gỗ *Ayous*. Đến nay, lệnh cấm được mở ra đối với các 'loài truyền thống' (thông thường là gỗ đỏ). Xuất khẩu 2 loại gỗ *ayous* và *azobe* được thực hiện theo quota cụ thể của Chính phủ. Xuất khẩu đối với loài khác không bị giới hạn.

Lệnh cấm xuất khẩu được ban hành năm 1999 tuy nhiên hiện đã bị bãi bỏ.

¹¹ <https://rainforests.mongabay.com/20cameroon.htm>

¹² <http://www.mediamaxnetwork.co.ke/people-daily/419472/african-countries-banned-logging/>

¹³ <http://www.euflegt.efi.int/cameroon>

¹⁴ <https://www.nepcon.org/sourcinghub/timber/timber-cameroon>

¹⁵ <http://www.forestlegality.org/content/logging-and-export-bans>

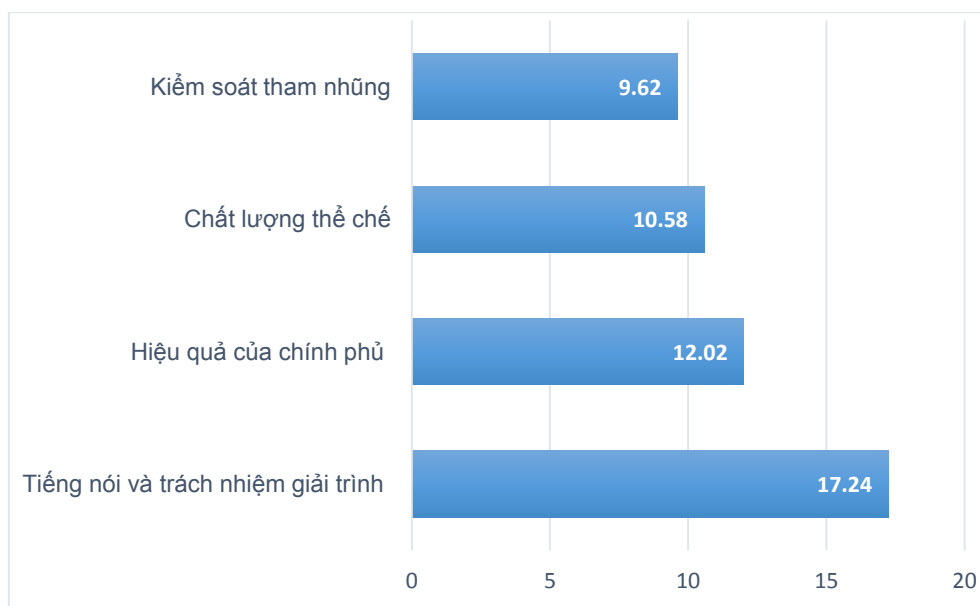
Cộng hòa Congo

Theo Mongabay¹⁶ Cộng hòa Congo có gần 22,5 triệu ha rừng, với độ che phủ khoảng 65,8%, trong đó rừng nguyên sinh chiếm gần 7,5 triệu ha (khoảng 1/3 diện tích rừng của quốc gia). Các diện tích rừng của Congo bị đe dọa nghiêm trọng, do nạn khai thác gỗ, chuyển đổi rừng. Đặc biệt, nạn khai thác gỗ tăng nhanh sau khi Chính phủ quyết định tư hữu hóa ngành công nghiệp chế biến gỗ. Khai thác gỗ hiện nay thường diễn ra với quy mô lớn, tại các khu vực rừng nguyên sinh nằm ở phía Bắc của quốc gia.

Cũng theo Mongabay, Chính phủ Congo đã ban hành chính sách quản lý rừng bền vững và chính sách hạn chế khai thác và thương mại đối với một số loài gỗ quý. Tuy nhiên, có nhiều bằng chứng cho thấy các công ty khai thác gỗ cố tình lờ đi các chính sách này và tiếp tục khai thác quy mô lớn. Khai thác gỗ lậu cũng diễn ra tràn lan và ở trong tình trạng mất kiểm soát, do nạn tham nhũng của các cán bộ quản lý.

Các chỉ số quản trị cơ bản của Congo (Hình 19) ở mức thấp.

Hình 19. Một số chỉ số quản trị cơ bản năm 2016 của Cộng hòa Congo



Nguồn: Tổng hợp từ Chỉ số quản trị toàn cầu (<http://info.worldbank.org/governance/wqi/#home>)

Hiện Congo không có lệnh cấm xuất khẩu gỗ cho cả tròn và xẻ.

Cộng hòa Dân chủ Congo

Theo Nepcon (2017)¹⁷, Cộng hòa Dân chủ Congo (DRC) có khoảng 152,6 triệu ha rừng, với độ che phủ khoảng 67%. Rừng được phân làm 3 loại: Rừng của nhà nước, rừng bảo vệ, và rừng sản xuất lâu dài. Toàn bộ các diện tích rừng của quốc gia là sở hữu nhà nước và nhà nước trao các quyền về rừng cho các nhóm đối tượng khác nhau. Bắt đầu từ năm 1998, quốc gia đã trải qua những cuộc nội chiến và điều này ảnh hưởng nghiêm trọng đến tài nguyên rừng.¹⁸ Trong giai đoạn 1995-2015, bình quân mỗi năm quốc gia mất khoảng 311.400 ha rừng. Theo Lawson (2010, trích trong Nepcon 2017), gần 90% gỗ khai thác tại quốc gia này có quy mô nhỏ, phi chính thức hoặc bất hợp pháp. Hiện khai thác gỗ bất hợp pháp là vấn đề nghiêm trọng. Đến nay, Chính phủ chưa có những cơ chế để giải quyết tình trạng này.

¹⁶ <https://rainforests.mongabay.com/20congo.htm>

¹⁷ <https://www.nepcon.org/sourcinghub/timber/timber-democratic-republic-congo>

¹⁸ <https://rainforests.mongabay.com/20zaire.htm>

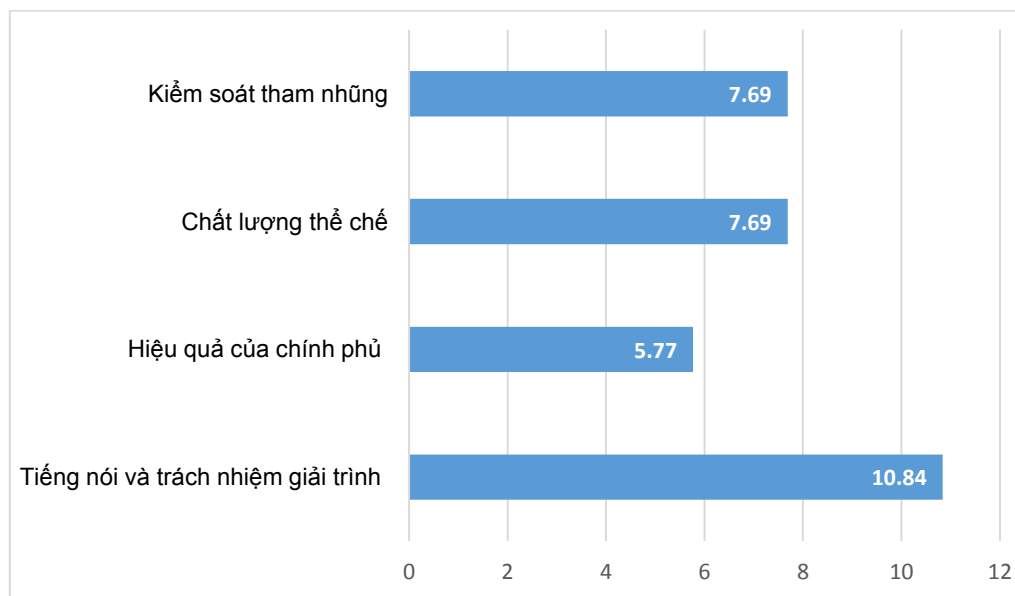
Trong thang điểm đánh giá rủi ro pháp lý của NEPCon¹⁹ DRC được 0 điểm, là chỉ số mức độ rủi ro cao nhất trong thang điểm 100. Theo kết quả này, rủi ro thể hiện trong 5 mảng chính và 21 mảng phụ, có liên quan đến các hoạt động khai thác, quyền khai thác, các loại thuế, phí, quyền của bên thứ ba và thương mại và vận chuyển.

Thông tin chi tiết về các rủi ro thể hiện trong báo cáo của Nepcon tại:

<https://nepcon.org/sites/default/files/library/2017-11/NEPCon-TIMBER-DemocraticRepublicoftheCongo-Risk-Assessment-EN-V1.2.pdf>

Các chỉ số quản trị (Hình 20) của DRC năm 2016 cũng ở mức rất thấp, hầu hết dưới dưới thang điểm 10, thể hiện chất lượng quản trị rất thấp tại quốc gia này.

Hình 20. Một số chỉ số quản trị cơ bản của DRC năm 2016



Nguồn: Tổng hợp từ Chỉ số quản trị toàn cầu (<http://info.worldbank.org/governance/wqi/#home>)

Hiện Chính phủ DRC không có lệnh cấm về xuất khẩu gỗ tròn và gỗ xẻ.

DRC đang thực hiện đàm phán FLEGT VPA với EU.²⁰

Chất lượng quản trị kém, cộng với rủi ro về tính hợp pháp của gỗ từ quốc gia này tiềm ẩn rủi ro cho nguồn nguyên liệu nhập khẩu từ nguồn này vào Việt Nam.

Equatorial Guinea

Theo Mongabay²¹, Equatorial Guinea là quốc gia có diện tích rừng nhỏ, khoảng 1,6 triệu ha, với độ che phủ khoảng 58,2%. Toàn bộ các diện tích rừng hiện nay của quốc gia là rừng thứ sinh. Trong những năm vừa qua, các diện tích rừng của quốc gia này luôn bị đe dọa bởi các hoạt động nông nghiệp và khai thác gỗ.

Thông tin về khai thác, sử dụng, bảo vệ rừng tại quốc gia này rất hạn chế.

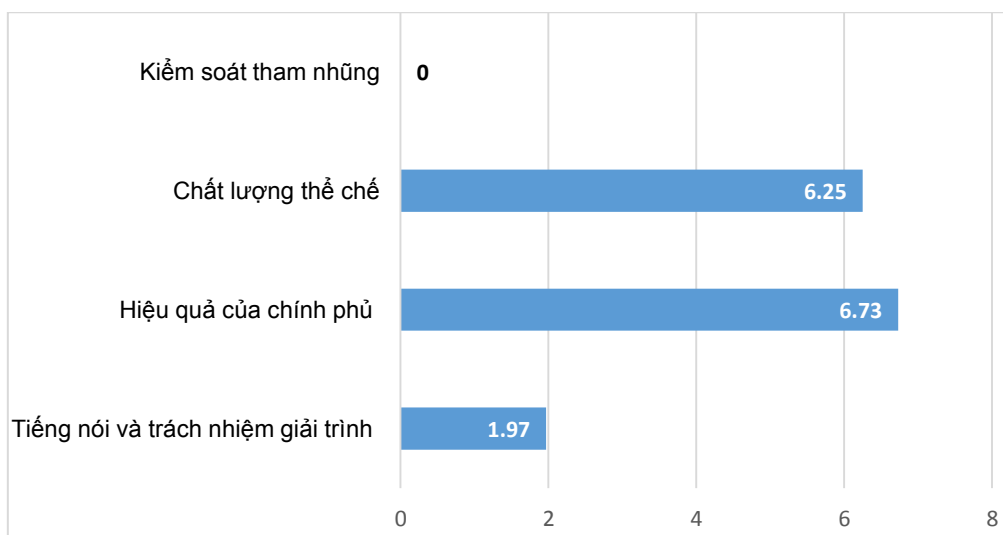
Các chỉ số quản trị quốc gia cơ bản của Equatorial Guinea ở mức rất thấp (Hình 21)

¹⁹ <https://www.nepcon.org/sourcinghub/timber/timber-democratic-republic-congo>

²⁰ <http://www.euflegt.efi.int/drc>

²¹ https://rainforests.mongabay.com/20eq_guinea.htm

Hình 21. Các chỉ số quản trị quốc gia của Equatorial Guinea năm 2016.



Nguồn: Tổng hợp từ Chỉ số quản trị toàn cầu (<http://info.worldbank.org/governance/wqi/#home>)

Hiện Chính phủ Equatorial Guinea không có lệnh cấm xuất khẩu gỗ tròn và gỗ xẻ.

Gabon

Theo Nepcon (2017)²², Gabon có khoảng 22 triệu ha rừng, với diện tích che phủ khoảng 85,4%. Rừng của Gabon được chia làm hai loại chính: (i) rừng nguyên sinh (65%), (ii) rừng phục hồi tự nhiên (35%). Toàn bộ diện tích rừng của quốc gia thuộc sở hữu nhà nước. Khoảng ½ diện tích rừng của quốc gia là rừng sản xuất. Hiện nay, nguồn thu từ khai thác gỗ đứng thứ 2 (sau dầu mỏ) về kim ngạch trong số các mặt hàng xuất khẩu từ quốc gia này. Gỗ được xuất khẩu chủ yếu sang EU và Trung Quốc.

Hiện còn một số tồn tại có liên quan đến tính pháp lý của nguồn gỗ nguyên liệu từ quốc gia này. Trên thang điểm xếp hạng rủi ro của Nepcon (2017), Gabon được 0 điểm, mức rủi ro cao nhất trên thang điểm 100. Nepcon cho thấy các rủi ro tiềm ẩn trong 18 nhóm phụ khác nhau.

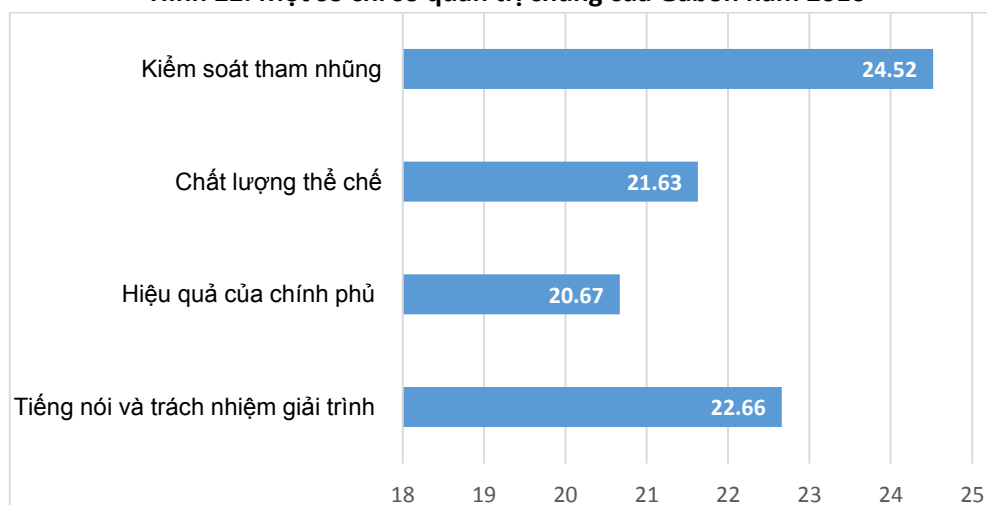
Thông tin chi tiết về các rủi ro này được thể hiện trong báo cáo của Nepcon tại:

<https://nepcon.org/sites/default/files/library/2017-11/NEPCon-TIMBER-Gabon-Risk-Assessment-EN-V1.2.pdf>

Các chỉ số quản trị chung của quốc gia ở mức trung bình thấp (Hình 22).

Hiện Chính phủ Gabon đang thực hiện đàm phán FLEGT VPA với EU. Các thông tin liên quan đến tiến trình đàm phán có thể tham khảo tại trang web: <http://www.euflegt.efi.int/gabon>

Hình 22. Một số chỉ số quản trị chung của Gabon năm 2016



Nguồn: Tổng hợp từ Chỉ số quản trị toàn cầu (<http://info.worldbank.org/governance/wqi/#home>)

Chính phủ Gabon áp dụng lệnh cấm xuất khẩu gỗ tròn từ 2010. Chính sách này hiện đang có hiệu lực.

²² <https://www.nepcon.org/sourcinghub/timber/timber-gabon>

Ghana

Ghana có khoảng 9,3 triệu ha rừng, với độ che phủ 39%, với hầu hết các diện tích rừng là rừng tự nhiên.²³ Ghana có khoảng 2,6 triệu ha rừng được quy hoạch cho việc khai thác gỗ, và khoảng 2 triệu ha đất trồng trọt có thể trồng cây lâm nghiệp.²⁴ Ngoài ra, Ghana còn có khoảng 0,5 triệu ha rừng không thuộc diện bảo tồn. Ngành lâm nghiệp là ngành kinh tế lớn thứ 4 trong việc tạo GDP cho quốc gia.

Ghana là quốc gia có tiếng trong việc cải tiến và đưa ra các sáng kiến về chế biến gỗ và sản xuất đồ mộc cho thị trường EU. Khoảng 1/3 gỗ và sản phẩm gỗ từ quốc gia này được xuất khẩu vào EU.²⁵

Ghana đã ký FLEGT VPA với EU năm 2009. Hiện VPA đang trong quá trình thực hiện.

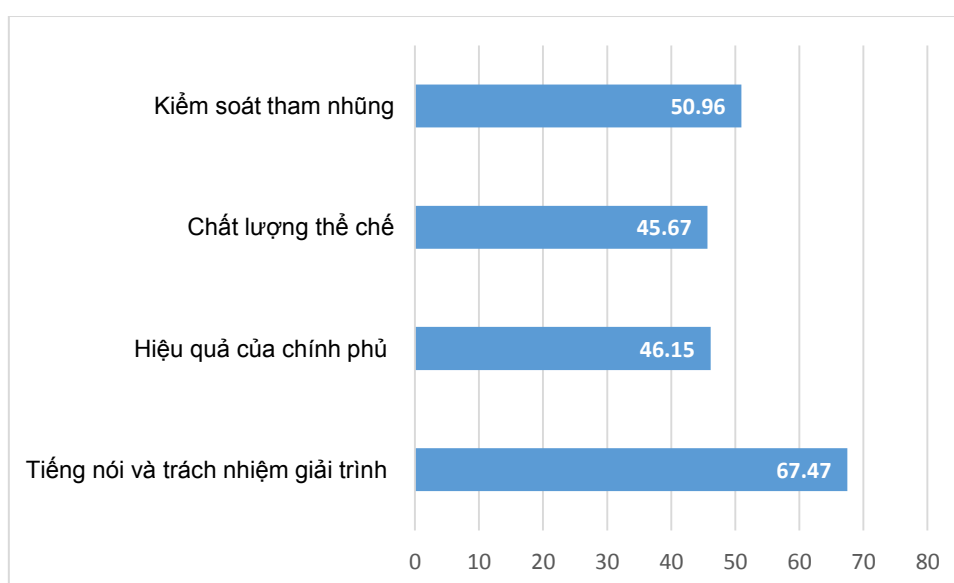
Kết quả xếp loại rủi ro về gỗ của NEPCON xếp Ghana ở mức 35 trên thang điểm 100, với độ rủi ro vẫn còn cao nhưng thấp hơn nhiều nước trong khu vực. Theo Nepcon (2007), rủi ro trong nguồn nguyên liệu tìm thấy trong 21 tiêu chí phụ.

Kết quả chi tiết và các rủi ro này có thể tham khảo tại website:

<https://nepcon.org/sites/default/files/library/2017-12/NEPCON-TIMBER-Ghana-Risk-Assessment-EN-V1.2.pdf>

Các chỉ số quản trị quốc gia của Ghana đều ở mức trung bình hoặc trung bình khá (Hình 23)

Hình 23. Chỉ số quản trị cơ bản của Ghana năm 2016.



Nguồn: Tổng hợp từ Chỉ số quản trị toàn cầu (<http://info.worldbank.org/governance/wqi/#home>)

Hiện Ghana đang áp dụng chính sách cấm xuất khẩu gỗ tròn do vậy toàn bộ gỗ nguyên liệu xuất khẩu đều là gỗ xẻ.

Năm 2014, Chính phủ Ghana cũng ban hành lệnh cấm khai thác và xuất khẩu gỗ hồng sắc (rosewood). Năm 2017 chính sách cấm xuất khẩu gỗ hồng sắc được ban hành phủ toàn bộ quốc gia. Tuy nhiên hiện nay chính sách này đã bị bãi bỏ.²⁶

²³ <https://www.nepcon.org/sourcinghub/timber/timber-ghana>

²⁴ <http://www.euflegt.efi.int/ghana>

²⁵ <http://www.euflegt.efi.int/ghana>

²⁶ <http://www.forestlegality.org/content/logging-and-export-bans>

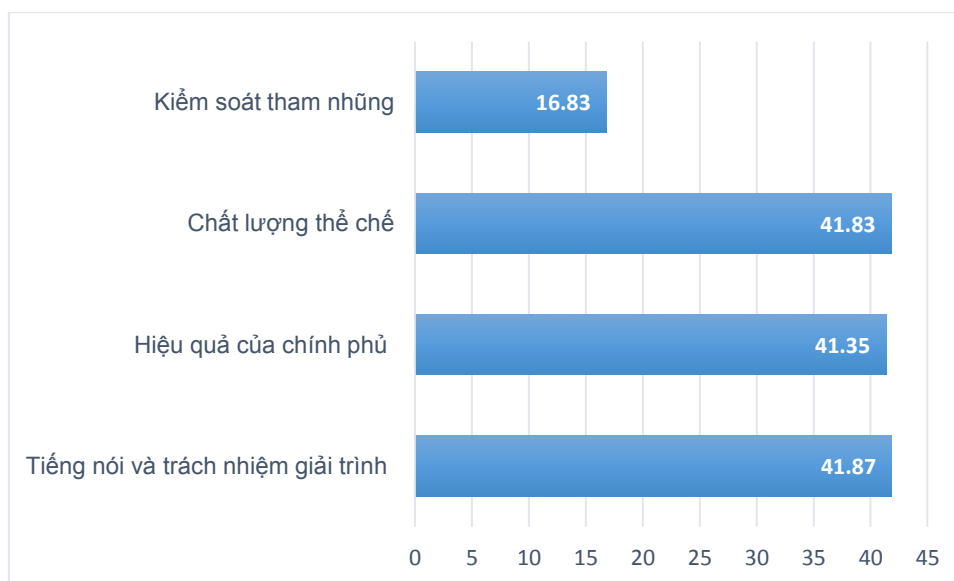
Kenya

Số liệu thống kê của FAO cho thấy năm 2014 Kenya có khoảng 4,1 triệu ha, trong đó chủ yếu là rừng tự nhiên (diện tích rừng trồng không đáng kể).²⁷ Toàn bộ các diện tích rừng hiện tại của quốc gia là rừng tái sinh. Các nguyên nhân đe dọa đến nguồn tài nguyên rừng bao gồm các hoạt động chuyển đổi rừng sang trồng cây nông nghiệp và sinh kế người dân. Theo Mongabay²⁸, thời gian gần đây, xung đột giữa chính quyền và người dân bùng phát, nguyên nhân bởi chính quyền ngăn cấm các hoạt động sử dụng tài nguyên rừng.

Tỉ lệ che phủ rừng của Kenya khoảng 8%. Tỉ lệ che phủ tăng bắt đầu từ khoảng năm 2000 với tỉ lệ khoảng 1,9%/năm trong giai đoạn 2000-2010 và 0,9%/năm giai đoạn sau đó.²⁹

Các chỉ số quản trị quốc gia (Hình 24) ở mức trung bình thấp.

Hình 24. Chỉ số quản trị quốc gia của Kenya năm 2016.



Nguồn: Tổng hợp từ Chỉ số quản trị toàn cầu (<http://info.worldbank.org/governance/wqi/#home>)

Chính phủ Kenya vừa ra lệnh cấm khai thác gỗ trên mọi diện tích rừng của quốc gia, trong vòng thời gian 3 tháng. Nguyên nhân bởi mực nước trên các con sông chính của quốc gia tụt giảm xuống mức đáng báo động.³⁰

Mozambique

Theo Mongabay³¹, Mozambique có khoảng 19,3 triệu ha rừng, với độ che phủ khoảng 58,2%.³² Hiện tại, tình trạng khai thác gỗ bất hợp pháp diễn ra tràn lan, chủ yếu ở quy mô nhỏ, được thực hiện bởi người dân địa phương, vì mục tiêu sinh kế. Lượng gỗ khai thác trái phép chiếm tới 90% tổng lượng gỗ khai thác hàng năm.³³ Nguồn gỗ này sau đó được mua bởi hệ thống thương lái, chủ yếu là người Trung Quốc, và tập kết ra cảng để xuất khẩu. Kể từ năm 2013, Trung Quốc trở thành nhà nhập khẩu gỗ lớn nhất từ Mozambique. Một nguồn tin cho rằng trong năm 2013 khoảng 50% lượng gỗ xuất khẩu

²⁷ <http://www.fao.org/3/a-az251e.pdf>

²⁸ <https://rainforests.mongabay.com/20kenya.htm>

²⁹ <http://www.mediamaxnetwork.co.ke/people-daily/419472/african-countries-banned-logging/>

³⁰ <http://www.mediamaxnetwork.co.ke/people-daily/419472/african-countries-banned-logging/>

³¹ <https://rainforests.mongabay.com/20mozambique.htm>

³² Một con số khác mà FAO đưa ra là 38,1 triệu ha

(<http://www.fao.org/countryprofiles/index/en/?lang=en&iso3=MOZ>)

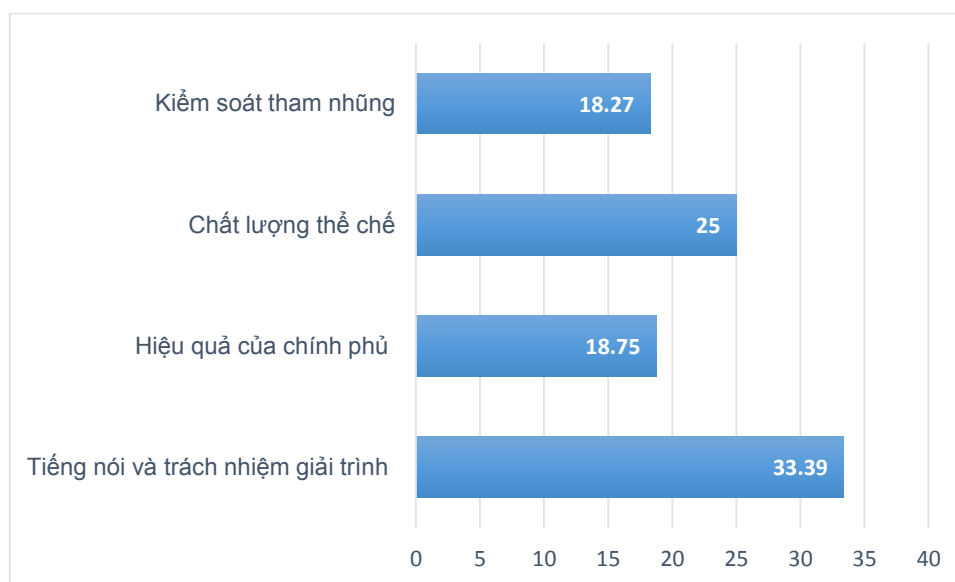
³³ <https://mg.co.za/article/2015-03-19-moz-will-be-stripped-of-its-forests-in-just-a-few-years>

sang Trung Quốc là gỗ lậu.³⁴ Gỗ lậu xuyên biên giới cũng diễn ra tại đây, với gỗ được khai thác bất hợp pháp từ Mozambique được chuyển qua Tanzania trước khi được đưa đến các địa bàn khác.³⁵ Gỗ lậu, thông thường diễn ra với sự hậu thuẫn của cán bộ địa phương, dưới dạng tham nhũng làm thất thoát lớn nguồn thu ngân sách quốc gia.

Tỉ lệ mất rừng của Mozambique khoảng 0,5%/năm trong giai đoạn 2010-2015.³⁶

Các chỉ số quản trị quốc gia của Mozambique (Hình 25) đều ở mức thấp.

Hình 25. Một số chỉ số quản trị của Mozambique năm 2016.



Nguồn: Tổng hợp từ Chỉ số quản trị toàn cầu (<http://info.worldbank.org/governance/wqi/#home>)

Bắt đầu từ 2007, Chính phủ Mozambique thực hiện lệnh cấm xuất khẩu gỗ tròn. Lệnh này hiện nay vẫn còn đang hiệu lực.

Chính sách cấm khai thác gỗ tạm thời được chính phủ thực hiện từ tháng 1 đến tháng 6 năm 2017.³⁷

Nigeria

Theo thống kê của FAO, Nigeria có khoảng 7,4 triệu ha rừng, trong đó chủ yếu diện tích là rừng thứ sinh.³⁸ Tỉ lệ mất rừng hàng năm khoảng 3,5%. Tỉ lệ che phủ rừng của quốc gia khoảng dưới 10%.³⁹ Trong giai đoạn 2010-2015, tỉ lệ mất rừng tại quốc gia này khoảng 5%/năm.⁴⁰

Toàn bộ các diện tích rừng của Nigeria là sở hữu nhà nước. Khoảng gần 50% gỗ được khai thác tại quốc gia là khai thác không chính thức.⁴¹ Khai thác gỗ mất kiểm soát gắn với tình trạng tham nhũng là những nguyên nhân chính đe dọa tài nguyên rừng.

Chính phủ Nigeria áp dụng chính sách cấm xuất khẩu gỗ tròn từ năm 1976.⁴²

Các thông tin về sử dụng và quản lý tài nguyên rừng tại Nigeria rất hạn chế.

³⁴ <http://www.mediamaxnetwork.co.ke/people-daily/419472/african-countries-banned-logging/>

³⁵ <http://www.mediamaxnetwork.co.ke/people-daily/419472/african-countries-banned-logging/>

³⁶ <http://www.mediamaxnetwork.co.ke/people-daily/419472/african-countries-banned-logging/>

³⁷ <http://www.forestlegality.org/content/logging-and-export-bans>

³⁸ <http://www.fao.org/countryprofiles/index/en/?iso3=NGA>

³⁹ <https://rainforests.mongabay.com/deforestation/2000/Nigeria.htm>

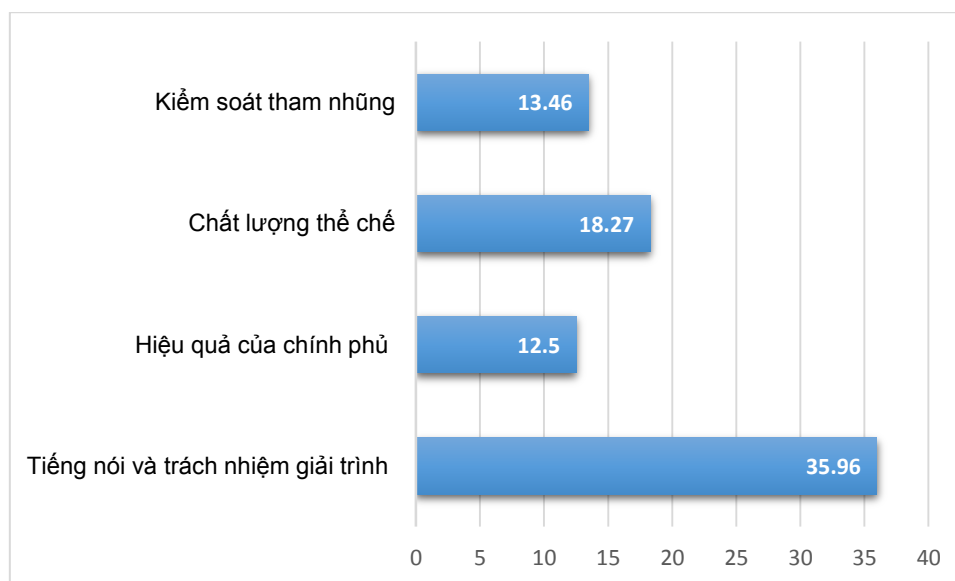
⁴⁰ <http://www.mediamaxnetwork.co.ke/people-daily/419472/african-countries-banned-logging/>

⁴¹ <https://rainforests.mongabay.com/deforestation/2000/Nigeria.htm>

⁴² <http://www.forestlegality.org/content/logging-and-export-bans>

Trừ chỉ số tiếng nói người dân và trách nhiệm giải trình, các chỉ số quản trị của quốc gia ở mức rất thấp (Hình 26)

Hình 26. Các chỉ số quản trị quốc gia của Nigeria năm 2016.



Nguồn: Tổng hợp từ Chỉ số quản trị toàn cầu (<http://info.worldbank.org/governance/wqi/#home>)

6. Thảo luận và kiến nghị

Châu Phi đã trở thành nguồn cung gỗ nguyên liệu lớn nhất của Việt Nam. Năm 2017, lượng cung từ quốc gia này đã lên tới trên 1,3 triệu m³, chiếm 25% trong tổng lượng gỗ nguyên liệu tròn và xẻ nhập khẩu vào Việt Nam trong năm.⁴³ Trong 6 tháng đầu 2018, lượng cung gỗ từ nguồn này lên tới 666.406 m³ quy tròn, tương đương ¼ trong tổng lượng gỗ nguyên liệu được nhập khẩu vào Việt Nam từ tất cả các nguồn trong 6 tháng đầu 2018. Một số đặc điểm chính của nguồn cung gỗ này như sau:

- Nguồn cung đa dạng. Bình quân mỗi năm có khoảng trên dưới 20 quốc gia từ Châu Phi cung gỗ nguyên liệu cho Việt Nam, trong đó có khoảng 7-8 quốc gia có lượng cung mỗi năm từ 10.000 m³ trở lên. Các quốc gia có lượng cung lớn nhất bao gồm Cameroon, Ghana, Equatorial Guinea, Angola, Congo và một vài quốc gia khác.
- Số lượng các loài gỗ nhập khẩu vào Việt Nam đa dạng. Năm 2017, Việt Nam nhập khẩu khoảng 145 loài gỗ tròn và 110 loài gỗ xẻ từ Châu Phi. Tuy nhiên, số lượng các loài có lượng nhập lớn (trung bình từ 10.000 m³/năm trở lên) khoảng 5-7 loài, điển hình là lim, hương, gỗ, xoan đào.
- Xu hướng nhập khẩu gỗ từ nguồn này vào Việt Nam đang tăng. Tính theo lượng gỗ quy tròn, lượng gỗ nhập khẩu năm 2017 tăng gần 86% lượng nhập năm 2016.
- Gỗ nhập khẩu từ Châu Phi chủ yếu được đưa vào các làng nghề gỗ truyền thống, sử dụng làm đồ nội thất và đồ gỗ xây dựng, chủ yếu phục vụ thị trường nội địa. Lượng xuất khẩu dưới dạng sản phẩm thô và đồ gỗ không đáng kể
- Tại Việt Nam đang tồn tại sự lộn xộn về tên gọi của các loài gỗ nhập khẩu từ Châu Phi vào Việt Nam. Các nhà nhập khẩu, các cơ sở chế biến tại các làng nghề đang sử dụng tên các loài gỗ của Việt Nam để đặt tên cho một số loài gỗ nhập khẩu từ Châu Phi. Tuy nhiên, các loài gỗ nhập khẩu từ nguồn này thường không giống với các loài gỗ của Việt Nam, hoặc các loài gỗ nhập khẩu từ các nước lân cận. Điều này dẫn một số khó khăn và rủi ro trong sử dụng và kiểm soát nguồn gỗ nhập khẩu từ Châu lục này.
- Lượng gỗ nguyên liệu nhập khẩu từ Châu Phi vào Việt Nam đang tăng nhanh. Xu hướng tăng có nhiều nguyên nhân, trong đó phải kể đến mức giá gỗ, được coi là các loài gỗ quý phù hợp với khả năng

⁴³ Năm 2017, Việt Nam nhập khẩu 2.242.356 m³ gỗ tròn và 2.179.732 m³ gỗ xẻ, tương đương với 5.356.321 m³ gỗ quy tròn (Tô Xuân Phúc và cộng sự, 2018).

năng mua của nhiều người tiêu thụ (mức giá các loài gỗ nhập khẩu từ nguồn này thấp hơn nhiều so với giá các loài gỗ nhập khẩu từ các nước Tiểu vùng sông Mê Kông, có cùng tên gọi Việt Nam). Quan trọng hơn, nguồn gỗ nhập khẩu từ Châu Phi ngày càng được chấp nhận bởi người sử dụng tại Việt Nam. Nói cách khác, cầu thị trường về các loài gỗ này tại Việt Nam đang tăng.

- Trừ Ghana và Kenya, tất cả các quốc gia Châu Phi cung gỗ cho Việt Nam đều có các chỉ số quản trị quốc gia như sự tham gia của người dân trong ban hành và thực thi chính sách, tính hiệu quả của chính phủ, chất lượng thể chế và tính hiệu quả của kiểm soát tham nhũng ở mức rất thấp (thông thường xếp trong thang 10-20 trong thang điểm 100).
- Các quốc gia Châu Phi cung gỗ cho Việt Nam đều nằm ở phía cuối bảng xếp hạng về Chỉ số nhận thức tham nhũng.
- Nhìn chung, quản trị rừng tại các quốc gia này kém, thông thường liên quan đến việc thực thi chính sách kém hiệu quả, tham nhũng tràn lan và xung đột trong quản lý sử dụng tài nguyên rừng.
- Quản trị quốc gia nói chung và quản trị rừng nói riêng kém dẫn đến những rủi ro về nguồn cung gỗ này.

Việt Nam sẽ thực hiện Hiệp định đối tác tự nguyện FLEGT VPA trong tương lai. Điều này đòi hỏi sự minh bạch về nguồn gỗ nhập khẩu đưa vào chuỗi cung. Nguồn cung gỗ từ Châu Phi hiện đang thiếu thông tin (đây cũng chính là rủi ro, bởi thiếu bằng chứng về tính hợp pháp) và ẩn chứa nhiều rủi ro khác. Với lượng cung gỗ từ nguồn này rất lớn, việc minh bạch thông tin về nguồn gỗ này là điều tối quan trọng.

Báo cáo kiến nghị:

- Chính phủ Việt Nam và các Hiệp hội gỗ yêu cầu tất cả các quốc gia cung gỗ cho Việt Nam từ Châu Phi cung cấp các thông tin cơ bản về cơ chế chính sách về khai thác, chế biến, thương mại, đặc điểm các loài gỗ được phép và không được phép khai thác, sử dụng và thương mại hóa tại quốc gia này. Các thông tin này cần được cập nhật phổ biến cho các cơ quan quản lý, kiểm soát nhập khẩu cũng như những công ty nhập khẩu và các hộ tại các làng nghề, nơi nguồn gỗ được sử dụng.
- Các cơ quan nghiên cứu lâm nghiệp của Việt Nam, phối hợp với các cơ quan nghiên cứu lâm nghiệp tại các nước cung gỗ cho Việt Nam tại Châu Phi, đưa ra danh sách các loài gỗ nhập khẩu và đặc điểm nhận dạng của từng loài. Danh sách này cần được phổ cập trong hệ thống các nhà quản lý, làng nghề và những người nhập khẩu.
- Các doanh nghiệp nhập khẩu gỗ từ Châu Phi cần tăng cường trách nhiệm giải trình, nhằm giảm thiểu rủi ro trong gỗ nhập khẩu./.

PHỤ LỤC

Phụ lục 1. Các quốc gia Châu Phi cung cấp gỗ tròn cho Việt Nam giai đoạn 2016- 6 tháng 2018

Thị trường nhập khẩu	Lượng (m3)			Tri giá (USD)		
	2016	2017	6T 2018	2016	2017	6T 2018
Cameroon	420.471	507.391	215.151	164.280.698	207.579.452	93.856.229
Ghana	61.870	82.939	38.204	25.443.063	30.354.646	12.777.442
Equatorial Guinea	32.368	81.441	14.601	8.945.269	26.326.189	4.963.261
Angola	32.442	64.639	32.731	6.706.836	14.563.389	7.257.028
Congo (Democratic Rep.)	17.843	57.329	26.797	8.154.372	28.917.014	17.404.497
Nigeria	85.489	52.167	42.679	35.942.186	18.738.204	14.406.339
Congo	21.274	35.594	13.200	7.728.489	13.484.589	5.309.877
South Africa	19.260	34.996	22.508	3.784.013	6.404.270	4.499.886
Kenya	198	9.847	21.805	47.740	3.024.698	6.744.299
Namibia	408	4.381	2.157	182.583	1.636.935	650.483
Mozambique	799	2.589	2.861	314.466	824.829	863.095
Gabon	1.334	2.017	1.200	999.943	902.302	496.467
Gambia	5.064	1.706	23	3.047.457	746.409	6.903
Guinea-Bissau		1.327	935		349.783	212.708
guinea		1.280			104.961	
Liberia	92	137	480	37.660	51.300	197.435
Cote Dlvoire (Ivory Coast)	409	135	364	107.602	82.172	124.784
Tanzania (United Rep.)		112			57.371	
Sierra Leone	60	20	576	30.400	14.200	188.287
Uganda		20	80		10.000	27.500
Benin	1.570			642.658		
Togo	433			57.231		
Morocco	406			183.750		
Tổng	701.790	940.066	436.350	266.636.416	354.172.714	169.986.520

Phụ lục 2. Các quốc gia Châu Phi cung gỗ xẻ cho Việt Nam giai đoạn 2016- 6 tháng 2018

Thị trường nhập khẩu	M3 quy tròn			Lượng (m3)			Tri giá (USD)		
	2016	2017	6T 2018	2016	2017	6T 2018	2016	2017	6T 2018
Gabon	83.916	150.927	65.218	58.814	105.780	45.709	35.276.101	63.964.560	28.250.247
Cameroon	67.847	121.777	72.607	47.552	85.349	50.888	26.257.832	38.756.961	23.566.207
Nigeria	31.882	21.039	15.091	22.345	14.746	10.577	8.961.998	5.372.150	3.999.047
Ghana	31.521	47.421	22.473	22.092	33.236	15.751	10.016.588	14.246.892	5.798.595
Congo	6.781	3.061	3.325	4.753	2.145	2.331	3.007.470	1.373.911	1.415.998
Mozambique	5.658	19.912	10.515	3.966	13.956	7.369	1.382.923	3.969.876	2.267.540
Angola	2.042	9.923	12.048	1.431	6.955	8.444	327.717	2.315.646	2.980.098
South Africa	1.532	1.775	1.889	1.074	1.244	1.324	267.600	727.776	1.337.110
Congo (Democratic Rep.)	1.381	3.539	1.623	968	2.480	1.138	478.848	1.410.957	495.545
Cote D'Ivoire (Ivory Coast)	1.228	3.399	1.447	861	2.382	1.014	508.782	1.619.100	641.589
Tanzania (United Rep)	633	1.457	480	443	1.021	336	227.839	592.475	170.868
Benin	631	876	1.800	442	614	1.262	202.801	267.865	528.630
Seychelles	581	-	-	407			95.756		
Gambia	260	1.684	-	182	1.180		71.817	646.555	
Kenya	229	6.571	10.026	161	4.606	7.027	78.266	1.591.001	2.611.951
Liberia	110	913	265	77	640	186	46.000	293.696	43.000
Togo	92	23	-	65	16		15.284	2.560	
Sierra Leone	57	86	395	40	60	277	23.300	17.700	176.142
Mauritius	56	-	-	39			19.654		
Equatorial Guinea	-	1.334	552		935	387		369.174	217.788
Guinea- Bissau	-	114	-		80			22.000	
Namibia	-	4.412	4.597		3.092	3.222		1.304.134	1.235.144
reunion	-	3.801	5.704		2.664	3.998		2.520.893	2.655.598
Senegal	-	38	-		27			19.544	
Sudan	-	96	-		68			21.601	
Uganda	-	293	-		205			78.895	
Tổng	236.440	404.470	230.056	165.713	283.480	161.239	87.266.576	141.505.922	78.391.097